



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)**

HỘI SỞ:

Địa chỉ : Tầng 6, tòa nhà Prime
Centre, số 53 Quang Trung, P. Nguyễn
Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại : (84-24) 3944 5474

Fax : (84-24) 3944 5475

Email : report@nsi.vn

Website : <http://www.nsi.com.vn>

CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 9, số 66 Phó Đức
Chính, phường Nguyễn
Thái Bình, Quận 1,
TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 3821 7304

Fax : (84-28) 3821 7305

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.
- Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 170.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-24) 3944 5474
- Số fax: (84-24) 3944 5475
- Website: <http://www.nsi.vn>

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1 Giấy phép kinh doanh:

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy phép điều chỉnh nghiệp vụ kinh doanh số 196/UBCK-GP ngày 05/3/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật số 89/GPĐC-UBCK ngày 31/5/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép thay đổi địa điểm trụ sở chính số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ Công ty số: 29/GPĐC-UBCK ngày 17/6/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Giấy phép điều chỉnh số: 26/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2018 về việc bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số: 35/GPĐC-UBCK ngày 22/05/2018 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.
- Giấy phép điều chỉnh số: 62/GPĐC-UBCK ngày 16/10/2019 của UBCKNN về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Công văn chấp thuận số: 6290/UBCK-QLKD ngày 18/10/2019 về việc cấp phép nghiệp vụ giao dịch ký quỹ.
- Quyết định số: 878/QĐ-UBCK ngày 01/11/2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước về việc chuyển địa điểm chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia tại TP Hồ Chí Minh.

2.2 Các mốc lịch sử quan trọng

Mốc thời gian	Sự kiện
11/12/2006	Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng
15/12/2006	Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD với ngành nghề kinh doanh Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán

25/12/2006	Công ty được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 32/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cấp
29/12/2006	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
12/01/2007	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
27/7/2007	Quyết định số 441/QĐ/UBCK về việc lập Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
23/8/2007	Quyết định số 480/QĐ-UBCK về việc chấp thuận lập Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
19/7/2011	Công ty được chấp thuận đăng ký cung cấp dịch chứng khoán trực tuyến
09/01/2012	Quyết định bổ nhiệm bà Bùi Thị Việt Hà làm Tổng Giám đốc Công ty
24/4/2012	Quyết định số 392/QĐ-UBCK về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần từ 10% Vốn điều lệ của Công ty
31/5/2012	Quyết định số 89/GPĐC-UBCK về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty
04/7/2012	Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty về số 34B - Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
18/7/2012	Đóng cửa Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
31/10/2012	Quyết định số 903/QĐ-UBCK về việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
13/11/2012	Quyết định số 936/QĐ-UBCK về việc thay đổi địa điểm Chi nhánh Công ty tại TP.Hồ Chí Minh về địa chỉ số 168 - Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
17/6/2013	Quyết định số: 29/GPĐC-UBCK ngày 17/6/2013 về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty (tăng vốn điều lệ Công ty lên 170.000.000.000 đồng).
15/5/2014,	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty: Bà Bùi Thị Việt Hà giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty thay cho ông Nguyễn Quang Vinh (Căn cứ Nghị quyết số: 11/2014/HĐQT-NQ ngày 15/5/2014)
17/6/2014	Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
05/9/2014	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (ông Nguyễn Hải Dương giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (theo Nghị quyết số: 45/2014/HĐQT-NQ của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 05/9/2014)
18/9/2014	Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
19/11/2014	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với bà Bùi Thị Việt Hà.
28/08/2017	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Hồ Anh Dũng
01/12/2017	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Quang Vịnh
29/03/2018	Giấy phép điều chỉnh số: 26/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2018 về việc bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.
22/05/2018	Giấy phép điều chỉnh số: 35/GPĐC-UBCK ngày 22/05/2018 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.
20/12/2018	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Hoàng Giang

16/10/2019	Giấy phép điều chỉnh số: 62/GPĐC-UBCK ngày 16/10/2019 của UBCKNN về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo đó ông Hồ Anh Dũng là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
18/10/2019	Hoàn thành việc cấp phép nghiệp vụ giao dịch kỹ quỹ theo công văn chấp thuận số: 6290/UBCK-QLKD ngày 18/10/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
01/11/2019	Quyết định số: 878/QĐ-UBCK ngày 01/11/2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước về thay đổi địa điểm chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

3.1 *Nghiệp vụ kinh doanh:*

- Môi giới Chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán.
- Tự doanh chứng khoán

3.2 *Địa bàn kinh doanh:*

Hiện nay, Công ty có trụ sở tại Hà Nội và có Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

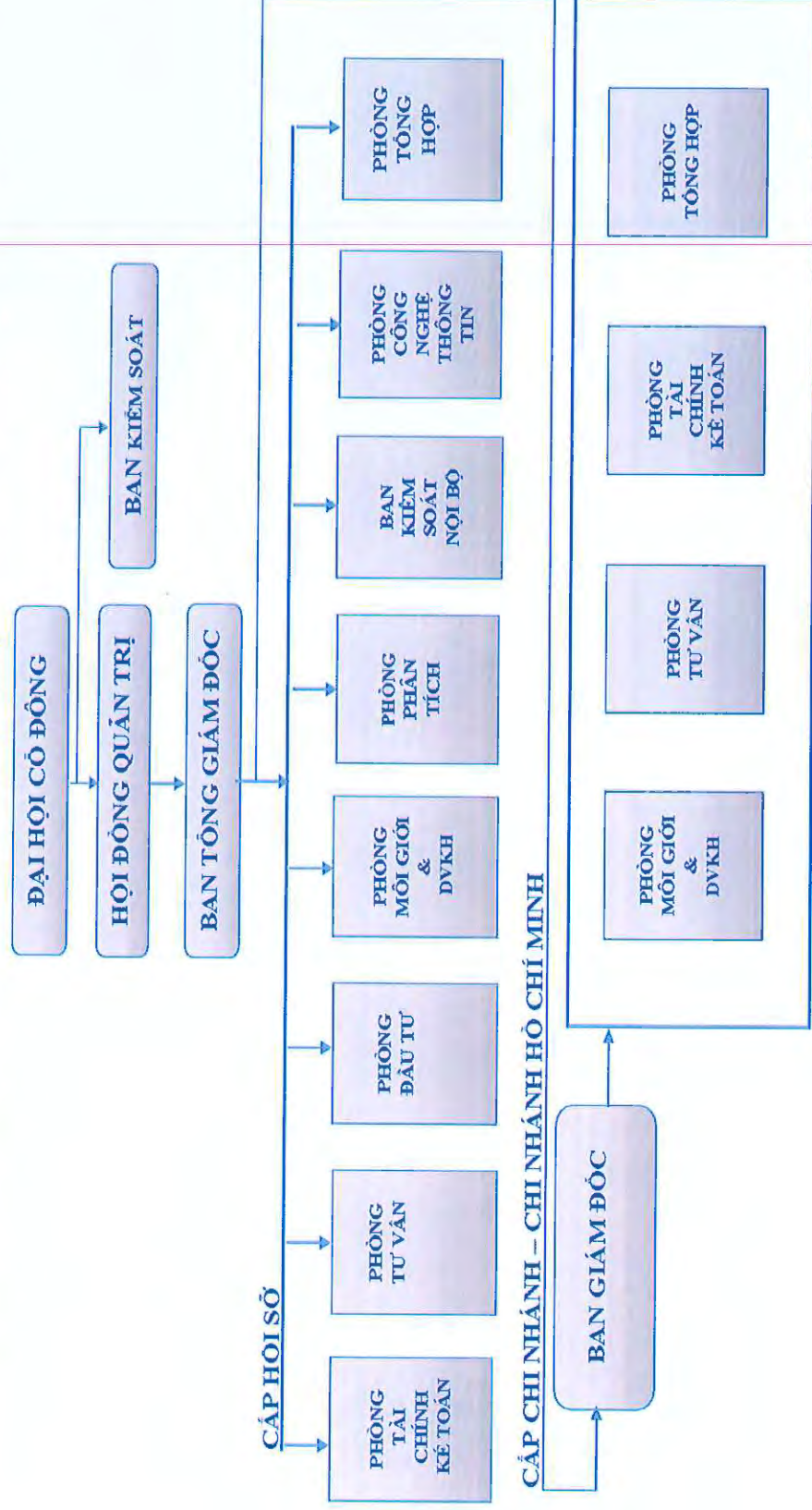
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 *Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý.*

- Mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia bao gồm: 1) Đại hội đồng cổ đông, 2) Hội đồng Quản trị, 3) Ban Kiểm soát, 4) Ban Tổng Giám đốc và 5) Các Phòng/ban chức năng, các Chi nhánh trực thuộc Công ty.
- Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân cấp, quản lý theo chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền; các Trưởng phòng/ban trực tiếp giải quyết công việc của Phòng/ban đó.
- Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và đảm bảo hiệu quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

4.2 *Cơ cấu bộ máy quản lý*

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC – CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
(Giải đoạn đến cuối năm 2020)



4.3 Các công ty con, công ty liên kết:

Tính đến 31/12/2020, Công ty chưa thực hiện việc liên kết hay thành lập công ty con nào khác.

5. Định hướng phát triển:

Để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phát triển theo định hướng nâng cao năng lực tài chính, gia tăng đầy đủ các dịch vụ của công ty chứng khoán. Bên cạnh đó tiếp tục phát huy sức mạnh về con người và đặc biệt là đổi mới công nghệ thông tin, hướng tới mục tiêu đưa Công ty trở thành sự lựa chọn đáng tin cậy của các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong, ngoài nước

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Với mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, NSI định hướng hoạt động theo mô hình một Ngân hàng Đầu tư. Đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, đầu tư chứng khoán và gia tăng các dịch vụ đi kèm để tìm kiếm các cơ hội phát triển:

- Công ty sẽ kết hợp việc đầu tư ngắn hạn để tìm kiếm lợi nhuận với việc thực hiện cơ cấu danh mục đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư có mức sinh lợi kỳ vọng tốt, bền vững, thanh khoản cao và giảm thiểu rủi ro biến động quá lớn theo thị trường niêm yết, thực hiện các kênh đầu tư khác mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép.
- Triển khai đồng bộ và mạnh mẽ các giải pháp để tạo sự đột phá của hoạt động môi giới trên cơ sở phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục tận dụng những ứng dụng công nghệ để hoàn thiện gia tăng các tiện ích, phát triển các sản phẩm mới và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng mới.
- Phát triển mạnh mẽ hoạt động tư vấn.
- Gia tăng giá trị của Công ty, tối đa hóa và đem lại các lợi ích thiết thực nhất cho các cổ đông.
- Nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực tài chính, đảm bảo khả năng triển khai các nghiệp vụ kinh doanh với quy mô và độ phức tạp cao.
- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro, ngăn chặn kịp thời các khoản nợ xấu, nợ khó đòi.
- Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp, năng động, gắn liền với hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục chú trọng phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin cho các hoạt động để nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu các rủi ro.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty phấn đấu từng bước nâng cao thị phần môi giới trên thị trường chứng khoán, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan với tiêu chí lấy khách hàng làm trọng tâm. Bên cạnh đó NSI xác định tôn chỉ hoạt động với lợi ích của khách hàng là cao nhất, mục tiêu đề cao là kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất.
- Phát triển thành Công ty Chứng khoán cung cấp đa dịch vụ ở Việt Nam, hoạt động theo mô hình một Ngân hàng Đầu tư.
- Liên kết và khai thác tốt khả năng bán chéo sản phẩm và cung cấp dịch vụ với các đối tác thân thiết của Công ty nhằm phát huy lợi thế về vốn, hệ thống dữ liệu khách hàng.
- Nâng cao năng lực trong hoạt động tư vấn, tập trung mở rộng lượng khách hàng và tập trung trọng điểm vào những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.
- Hiện tại, Chính phủ đang quyết liệt yêu cầu các tập đoàn có vốn sở hữu của Nhà nước phải thoái vốn đầu tư ngoài ngành. Do vậy, Công ty sẽ chú trọng tập trung vào mảng tư vấn cổ phần hóa các công ty thành viên của các Tổng Công ty hoặc hỗ trợ các Tổng công ty thoái vốn tại các công ty con đã cổ phần hóa.
- Từng bước xây dựng mối quan hệ với các quỹ đầu tư và các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, trong đó tập trung vào thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore...

- Đẩy mạnh triển khai hoạt động thu xếp vốn cho các doanh nghiệp thông qua hình thức phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu ngoại tệ. Thiết lập mối quan hệ rộng rãi với các quỹ đầu tư, công ty tài chính để làm trung gian thu xếp vốn và giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

NSI hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung và quy định của thị trường chứng khoán, tài chính nói riêng. Trong tương lai NSI phấn đấu đạt lợi nhuận cao và sẽ trích một phần lợi nhuận đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng, xã hội.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro hoạt động.

a) Mô tả rủi ro hoạt động của công ty

- Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc do thiếu vốn kinh doanh, do các nguyên nhân khách quan khác.

b) Mô tả biện pháp quản trị rủi ro hoạt động của công ty

- Để kiểm soát hoạt động, yêu cầu tất cả các Cán bộ công nhân viên của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ hiện hành; Trưởng các khối nghiệp vụ thực hiện kiểm soát tại khối mình phụ trách để hạn chế rủi ro.

- Toàn thể nhân viên Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia thường xuyên cập nhật thông tin, học hỏi và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ để đảm bảo hạn chế các rủi ro hoạt động của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

- Rủi ro hoạt động được Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia được đánh giá trên hệ thống kiểm soát nội bộ và đo lường trên hai phương diện: khả năng xảy ra, mức độ ảnh hưởng của rủi ro.

- Ban Kiểm soát nội bộ kiểm tra các hoạt động hàng ngày và định kỳ kiểm tra giao dịch/ hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ để kiểm tra tính tuân thủ đối với các quy trình, quy chế, đồng thời kiểm tra tính hiệu quả của quy trình/ quy chế hiện hành để cập nhật quy trình/ quy chế nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động cho công ty.

6.2 Rủi ro về pháp luật.

- Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam như: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật thuế và các văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán... Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật cũng như thông lệ quốc tế.

- Với hệ thống luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp thời sự thay đổi của các chính sách, của hệ thống pháp luật thì có thể sẽ gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp luật, Công ty luôn phải cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp để định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

6.3 Rủi ro đặc thù.

Rủi ro về cạnh tranh: Sự ra đời và bùng nổ của thị trường chứng khoán trong những năm qua đã dẫn đến tình trạng hiện nay là có quá nhiều công ty chứng khoán trong khi đó lượng khách hàng giao dịch thì gia tăng chậm do đó Công ty đã phải nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, đưa ra các chính sách môi giới để giữ khách hàng và tìm kiếm khách hàng mới.

6.4 Rủi ro thị trường

a) Mô tả rủi ro thị trường của công ty

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Biểu hiện của nó chính là sự biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cả trên thị trường, chỉ số giá cổ phiếu, sự ảnh hưởng của nền kinh tế...

b) Các công cụ tài chính nào chịu rủi ro thị trường: Không

c) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro thị trường của công ty:

Liên tục theo dõi diễn biến của thị trường về nền kinh tế, tỷ giá....

d) Mô tả biện pháp quản trị rủi ro thị trường của công ty:

- Rủi ro thị trường được quản lý thông qua việc xác lập và kiểm soát các hạn mức rủi ro. Tổng hạn mức của các loại rủi ro tín dụng, thị trường và hoạt động tạo thành mức chấp nhận rủi ro của Công ty, theo đó, hạn mức VAR cho rủi ro thị trường có thể được xác định theo phương pháp từ dưới lên hoặc từ trên xuống.

- Phương pháp từ dưới lên: Trên cơ sở số liệu VAR thống kê trong quá khứ, kế hoạch kinh doanh trong kỳ, diễn biến thị trường trong quá khứ và dự đoán trong tương lai, bộ phận quản trị rủi ro thị trường đề xuất hạn mức VAR cho từng loại hình rủi ro. Cộng tổng các hạn mức VAR này sẽ ra hạn mức VAR cho rủi ro thị trường. Bằng phương pháp tương tự, sẽ xác lập được hạn mức rủi ro tín dụng và hoạt động. Sau khi đã có hạn mức của 3 loại rủi ro này, cộng tổng lại sẽ ra mức chấp nhận rủi ro của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

- Phương pháp từ trên xuống: Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chấp nhận rủi ro của Công ty. Trên cơ sở mức chấp nhận rủi ro đã được phê duyệt, sẽ tiến hành phân bổ hạn mức cho 3 loại: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp. Sau khi có hạn mức cho rủi ro thị trường, bộ phận quản trị rủi ro thị trường sẽ thực hiện phân bổ cho từng loại rủi ro thị trường của từng số căn cứ trên số liệu thống kê, kế hoạch kinh doanh và phân tích diễn biến thị trường.

6.5 Rủi ro thanh toán

a) Mô tả rủi ro thanh toán của Công ty

- Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán nảy sinh khi Công ty thực hiện các giao dịch đầu tư tự doanh và Repo (Trên thực tế NSI chưa có nghiệp vụ này). Trong thanh toán, cũng nảy sinh rủi ro tín dụng, nó phụ thuộc vào uy tín tín dụng (credit rating) của đối tác mà Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có giao dịch.

b) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro và quản trị rủi ro thanh toán của công ty

- Rủi ro thanh toán được đo lường trên các phương tiện: khả năng trả nợ của đối tác, tỷ lệ thu hồi nợ/tổng công nợ; mức độ rủi ro và phân tích từng tình huống cụ thể.

- Ban Kiểm soát nội bộ và phòng Kế toán xây dựng hạn mức tín dụng, hạn mức mở trong thanh toán đối với từng đối tác có giao dịch với Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia để trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Việc xây dựng hạn mức sẽ chi tiết đến từng đối tượng khách hàng qua đó ban Tổng Giám Đốc sẽ phân loại khách hàng phù hợp với từng thời kỳ để xác định uy tín tín dụng cho từng nhóm khách hàng trong mỗi giai đoạn.

- Đo lường rủi ro thanh khoản chuẩn xác sẽ giúp cho Công ty CP Chứng khoán Quốc gia chủ động trước những cảnh báo có thể xảy ra.

6.6 Rủi ro thanh khoản

a) Mô tả rủi ro thanh khoản của Công ty

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Phòng tài chính Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có trách nhiệm quản lý dòng tiền theo thời gian đến hạn để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

b) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro; quản trị rủi ro thanh khoản của Công ty

- Công cụ quản lý thanh khoản là dùng phân tích đến hạn của các dòng tiền vào (inflow) và dòng tiền ra (outflow) của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia theo kỳ hạn.

- Dựa vào hệ số tài chính như hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh... và khung thời gian đáo hạn.
- Báo cáo về dòng tiền được Khối kế toán phụ trách và quản lý hàng ngày để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.
- Để đo lường được rủi ro thanh khoản Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia còn dựa vào mức độ đa dạng hóa các loại tài sản và công nợ; khả năng thanh lý tài sản...
- Trên hạn mức rủi ro thanh khoản đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có thể so sánh được trạng thái rủi ro thanh khoản hiện tại.
- Rủi ro thanh khoản được Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia đo lường định kỳ và thường xuyên.

6.7 Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như: động đất, chiến tranh... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như hoạt động của công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể ảnh hưởng đến Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Kinh tế năm 2020 vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên ban điều hành Công ty đã nỗ lực rất nhiều để đưa hoạt động kinh doanh của Công ty có lợi nhuận, cùng với đó là diễn biến thuận lợi của thị trường chứng khoán những tháng cuối năm 2020. Kết thúc năm 2020 Công ty đạt lợi nhuận hơn 32,19 tỷ đồng trước thuế, lợi nhuận sau thuế đạt 30,06 tỷ đồng.

- Dưới đây là một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của NSI trong 3 năm vừa qua:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng (%)
Vốn điều lệ	170.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000	0,00%
Vốn chủ sở hữu	211.313.175.587	211.937.082.593	242.002.989.236	14,19%
Tổng tài sản	217.527.323.289	214.470.186.669	348.453.231.856	62,47%
Doanh thu	63.473.578.907	43.614.850.667	79.084.177.351	81,32%
LN trước thuế	29.255.705.428	2.854.560.999	32.191.378.430	1.027,72%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018, 2019, 2020)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Kết thúc năm 2020, tổng doanh thu của công ty đạt 79,08 tỷ đồng (Tương đương 175,62% kế hoạch), tổng chi phí là 46,89 tỷ đồng (Tương đương 154,14% kế hoạch), lợi nhuận trước thuế đạt 32,19 tỷ đồng (Tương đương 220,33% kế hoạch).

1.3 Kết quả kinh doanh:

- Hoạt động môi giới: Trong năm 2020 hoạt động môi giới thực hiện và đạt doanh thu 3,54 tỷ đồng, đạt 49,99% so với kế hoạch đề ra (Do ảnh hưởng của dịch Covid- 19 trong những tháng đầu năm dẫn đến doanh thu môi giới chưa đạt so với kế hoạch). Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng cơ chế lương kinh doanh theo doanh thu phù hợp hơn, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, bước đầu tạo được một số chuyển biến trong hoạt động môi giới của NSI. Tuy nhiên do nguồn vốn thực hiện các dịch vụ cho khách hàng còn hạn chế nên chưa thu hút được nhiều khách hàng lớn về công ty để giao dịch thường xuyên.

- Doanh thu tư vấn năm 2020 là: 4.105.363.636 đồng, đạt 279,02% so với kế hoạch đề ra của năm 2020. Việc doanh thu ước thực hiện đạt tỉ lệ cao như vậy là do: Ngoài khoản doanh thu đã được ghi nhận từ các Hợp đồng tư vấn tại Hội sở và Chi nhánh tính đến hết tháng 12/2020 thì năm 2020, Phòng Tư vấn Chi nhánh đã hoàn thành đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ cho khách hàng với giá trị doanh thu mang về 2,72 tỷ đồng. NSI đã và đang thực hiện các dự án tư vấn tài chính doanh nghiệp trải rộng trên các lĩnh vực: tư vấn

tái cơ cấu doanh nghiệp, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa và một số dịch vụ liên quan khác.

- Hoạt động lưu ký chứng khoán: Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2020 đạt 1,84 tỷ đạt 83,59% so với kế hoạch.

- Hoạt động nhân sự: Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân sự là hoạt động nổi bật của NSI trong năm 2020. Với quy mô nhân sự tinh giảm, gọn nhẹ như hiện nay, NSI luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, coi đây là vấn đề trọng tâm trong hoạt động của Công ty.

1.4. Công tác đào tạo:

- *Công tác đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán:* trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên việc tham gia các khóa đào tạo tập chung có những hạn chế nhất định, dẫn đến một số cán bộ vẫn chưa hoàn thành kế hoạch về công tác đào tạo theo dự kiến đầu năm.

- *Về lĩnh vực đào tạo khác:*

+ NSI luôn chủ động tổ chức các buổi đào tạo, hội thảo để nâng cao kiến thức và trình độ của CBNV.

+ Thường xuyên tổ chức cuộc thảo luận định kỳ giữa nhóm công việc, thông qua đó để chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức hỗ trợ lẫn nhau.

1.5. Tiền lương:

- Việc trả lương vẫn được thực hiện theo hình thức thời gian và dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Thu nhập bình quân của cán bộ năm 2020 đạt 16.000.000 đồng/người/tháng.

- Bên cạnh việc trả lương cho người lao động, để khuyến khích động viên người lao động, năm 2020, Ban Lãnh đạo Công ty thực hiện việc khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có những đóng góp tích cực cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc động viên kịp thời đã mang lại hiệu quả tinh thần rất lớn, giúp người lao động luôn cố gắng phấn đấu để đạt được kết quả lao động tốt nhất.

2. Tổ chức nhân sự:

2.1 Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Trình độ	Tỉ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Tóm tắt quá trình công tác		
					Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức danh công việc	Đơn vị công tác
Ban Tổng Giám đốc							
1	Hồ Anh Dũng Năm sinh: 1982 Giới tính: nam CMND: 001082006351; cấp ngày: 14/06/2018; Nơi cấp: Hà Nội	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Kinh tế	0%	8/2017 đến nay	Tổng Giám đốc	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					4/2016 - 7/2017	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					2014 - 3/2016	Trưởng phòng Phân tích	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					2010-2014	Trưởng phòng khách hàng tổ chức	Công ty Chứng khoán MB
					2009-2010	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	FPT Telecom
					2007-2009	Trợ lý Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc FPT	Công ty FPT
					2005-2007	Chuyên viên Thanh tra	Cục thuế Hà Nội
					2004-2005	Chuyên viên môi giới	Công ty Chứng khoán Sài Gòn
2	Nguyễn Lâm Tùng Sinh năm: 1982 Giới tính: nam CMND: 037082000120 Ngày cấp: 20/01/2015 Nơi cấp : Cục Cảnh sát	Giám đốc CN. HCM	Thạc sỹ kinh tế	0%	2012 - nay	Giám đốc Chi nhánh	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					2011 - 2012	Phó phòng Tư vấn	Công ty CP Chứng khoán Đại Dương
					2010 - 2011	Trưởng phòng Tư vấn	Chi nhánh Công ty CP CK Sài Gòn - Hà Nội.

	ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.				2007 - 2010	Chuyên viên cao cấp tư vấn tài chính doanh nghiệp	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt
Cán bộ quản lý khác							
3	Phạm Thị Chiến Sinh năm: 1984 Giới tính: Nữ CMND số: 162488774 Ngày cấp: 10/3/2008 Nơi cấp: Nam Định	Kế toán trưởng	Thạc sỹ Kinh tế	0%	01/2011 - nay	Kế toán trưởng	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					04/2009	Chuyên viên kế toán tổng hợp	Công ty CP Chứng khoán Đại Nam
					01/2007	Nhân viên kế toán tổng hợp	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC
					03/2009	Nhân viên kế toán tổng hợp	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC
				07/2006	Nhân viên kế toán bán hàng	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC	
				02/2006			

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ngày 08/09/2020: Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Hoàng Giang (theo Nghị quyết số: 36/2020/NQ-HĐQT).

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên trong toàn Công ty:

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2020 tổng số cán bộ nhân viên toàn Công ty là 35 người, bao gồm:

Hội sở chính:

- Ban Tổng Giám đốc: 01 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 04 người
- Phòng Tư vấn: 03 người
- Phòng Tự doanh: 03 người

Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh:

- Ban Giám đốc Chi nhánh: 01 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 02 người
- Phòng Tư vấn: 02 người

Phòng/ban hỗ trợ khác:

(Bao gồm cả Hội sở và Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh): 19 người

2.4 Chính sách đối với người lao động:

Chính sách lương: Công ty luôn đảm bảo mặt bằng lương cạnh tranh trên thị trường và so với các công ty chứng khoán hiện nay nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

Chính sách khen thưởng, phúc lợi: Được gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động. Các chế độ khen thưởng cụ thể trong năm 2020 như sau:

- Thưởng lương tháng 13 và thưởng theo đánh giá mức độ hoàn thành công việc.
- Thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động.
- Thưởng nhân dịp các ngày lễ tết.
- Chế độ nhân dịp các ngày sinh nhật, hiếu hỉ....

Chế độ bảo hiểm: Các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của Nhà Nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Tính đến thời điểm 31/12/2020 Công ty có khoản đầu tư tại tài khoản tự doanh với giá trị mua theo sổ kế toán là 127,5 tỷ

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 31/12/2020 Công ty không liên kết và chưa mở công ty con.

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% +/-
Tổng giá trị tài sản	214.470.186.669	348.453.231.856	62,47%
Doanh thu thuần	43.614.850.667	79.084.177.351	81,32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.854.560.999	32.191.378.430	1.027,72%
Lợi nhuận khác	-		
Lợi nhuận trước thuế	2.854.560.999	32.191.378.430	1.027,72%
Lợi nhuận sau thuế	623.907.006	30.065.906.643	4.718,97%
Lợi nhuận trên 1 cổ phiếu	37	1.769	4.679,95%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2019,2020)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Lân

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	82,38	3,19	-96,13%
- Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho	82,38	3,19	-96,13%
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,0118	0,3055	2.486,52%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,0120	0,4399	3.580,27%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:	-	-	0.00%
Giá vốn hàng bán			
Hàng tồn kho bình quân			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,2034	0,2270	11,60%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0143	0,3802	2.557,66%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0029	0,1242	4.120,27%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0029	0,0863	2.866,04%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0654	0,4071	521,94%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019,2020)

4.3 Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Nợ ngắn hạn năm 2020 của Công ty tăng so với 2019 đồng thời vốn lưu động của Công ty cũng tăng nhưng tốc độ tăng của vốn lưu động lớn hơn nên hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm 2020 tăng, bên cạnh đó hệ số thanh toán nhanh và thanh toán nợ ngắn hạn đều lớn hơn 1 điều này cho thấy khả năng thanh toán của công ty nằm ở mức khá cao, công ty luôn đáp ứng thanh toán được khoản vay ngắn hạn. Đặc biệt khoản tiền và tương đương tiền của công ty lớn gấp lần 3,19 lần so với nợ ngắn hạn chứng tỏ khả năng thanh toán của công ty rất tốt.

- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hoạt động kinh doanh của công ty được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu thông qua việc chỉ số nợ/ tổng tài sản, điều này cho thấy sự chủ động về tài chính của NSI.

- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Chỉ tiêu doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2020 tăng 11,60% so với năm 2019 là do doanh thu năm 2020 tăng so với năm 2019.

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: Chỉ tiêu ROE, ROA năm 2020 tăng mạnh so với năm 2019 do trong năm 2020 lợi nhuận trước thuế và sau thuế của công ty tăng mạnh từ hoạt động kinh doanh và hoạt động tự doanh.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 17.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 17.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông (tính tại ngày 31.12.2020):

STT	Họ và tên	Số giấy CMND	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL	Đối tượng
1	Trần Việt Anh	033078000882	18/12/2015	13.500.000	90%	Cổ đông lớn
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	850.000	5%	Cổ đông lớn
3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	850.000	5%	Cổ đông lớn

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Họ và tên	Số giấy CMND	Ngày cấp	Số lượng cổ phần đầu năm	TL năm giữ so với VĐL đầu năm	Số lượng cổ phần cuối năm	TL năm giữ so với VĐL cuối năm	Lý do
1	Trần Việt Anh	033078000882	18/12/2015	13.500.000	90%	13.500.000	90%	
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	850.000	5%	850.000	5%	
3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	850.000	5%	850.000	5%	
Tổng cộng				17.000.000	100%	17.000.000	100%	

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5 Các chứng khoán khác: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020
I	Doanh thu	79.074.177.351
1	Môi giới	3.534.776.987
2	Đầu tư	32.980.977.670
3	Doanh thu khác (tư vấn, lưu ký, ...)	42.568.422.694
II	Chi phí	46.892.798.921
1	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	25.040.050.889
2	Chi phí tài chính	4.173.557.434
2	Chi phí quản lý	17.679.190.598
III	Lợi nhuận khác	10.000.000
IV	Lãi/Lỗ	32.191.378.430

1.1 Những công việc đã hoàn thành:

- Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện 2020 là: 32.191 triệu đồng đạt 220,33% so với kế hoạch
- Thực hiện thành công việc phát hành trái phiếu riêng lẻ cho NSI (đợt 1) là 100 tỷ đồng vào cuối tháng 8/2020.
- Hoàn thành xong việc triển khai thay core phần mềm giao dịch chứng khoán theo Hợp đồng số: NSI/ALT/2019 ngày 31/10/2019 ký giữa NSI và Công ty Cổ phần Công nghệ cao ALTISSS và chính thức go-live vào ngày 06/04/2020.
- Đảm bảo tình hình tài chính doanh nghiệp hoạt động lành mạnh.
- Thực hiện tối ưu hóa, giảm bớt chi phí hoạt động để đạt lợi nhuận tối đa.
- Ban hành Quy chế đầu tư chứng khoán tạo cơ sở và hành lang quy định đối với hoạt động tự doanh của NSI.
- Công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng được chú trọng trong năm 2020 nhằm khuyến khích và động viên kịp thời đến tập thể và cá nhân hoàn thành tốt công việc được giao, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ giúp đạt hiệu suất cao trong lao động và rèn luyện.
- Tổ chức tốt hoạt động tập thể cho cán bộ như: phối hợp với các đơn vị trong hệ thống tổ chức thành công chương trình “Hợp lực năm 2020” trên tinh thần gắn kết giữa các thành viên trong các đơn vị của Tập đoàn.
- Công tác chăm lo đời sống cho CBNV được đảm bảo bao gồm: tổ chức tốt việc khám sức khỏe định kỳ cho CBNV vào tháng 11/2020; chế độ sinh nhật, thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỉ cho NLD trong năm luôn được đảm bảo.
- Công tác đào tạo luôn được trú trọng và có sự phối hợp chặt chẽ với Ban Vận hành của tập đoàn để tham gia các chương trình đào tạo, các buổi hội thảo chung nhằm nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn cho CBNV Công ty.

Chi tiết một số hoạt động nghiệp vụ như sau:

❖ Đối với nghiệp vụ môi giới:

Tính đến hết tháng 12/2020, tổng giá trị giao dịch tại NSI đạt 2.291.277.910.400 đồng; Doanh thu Môi giới đạt: 3.534.776.987 đồng; Thị phần môi giới còn khiêm tốn trên cả 2 sàn HSX và HNX.

Xét trên tình hình chung, hoạt động môi giới vẫn còn hạn chế, chưa phát huy được đúng tiềm năng do một số nguyên nhân sau:

- Sự cạnh tranh gay gắt từ phía các công ty chứng khoán khác để lôi kéo khách hàng như: cạnh tranh về phí giao dịch, phí dịch vụ tài chính, danh mục hợp tác đầu tư cũng có ảnh hưởng không nhỏ.
- NSI là một công ty chứng khoán quy mô nhỏ, cho đến thời điểm hiện tại thì thương hiệu NSI vẫn còn khá mờ nhạt và xa lạ với nhiều nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, nhà đầu tư tổ chức.
- Kinh nghiệm và mối quan hệ của nhân viên cũng là một vấn đề ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển hoạt động kinh doanh Môi giới, mối quan hệ không nhiều, phần lớn Khách hàng giao dịch vẫn phụ thuộc vào các Mối quan hệ của Ban lãnh đạo Công ty và hệ thống. Tuy nhiên Phòng môi giới và dịch vụ khách hàng cũng đã đạt được một số thành tích:
- Tính đến ngày 31 tháng 12 Phòng Môi giới đã mở mới được 95 tài khoản cho nhà đầu tư
- Thực hiện lưu ký cho cổ đông của cổ phiếu DSP, cổ phiếu TTE và các cổ phiếu khác. Thực hiện chuyển quyền sở hữu cho cổ đông, quản lý trái phiếu DNP và thực các loại quyền cho khách hàng
- Thực hiện chuyển khoản chứng khoán, tất toán tài khoản, thay đổi thông tin cho khách hàng.

- Đã nghiên cứu và triển khai thành công một số sản phẩm dịch vụ mới để nhằm thu hút khách hàng và tăng giá trị giao dịch cho Công ty.

❖ **Đối với nghiệp vụ tư vấn:**

- Doanh thu tư vấn năm 2020 là: 4.105.363.636 đồng, đạt 279,02% so với kế hoạch đề ra của năm 2020. Việc doanh thu ước thực hiện đạt tỉ lệ cao như vậy là do:
- Ngoài khoản doanh thu đã được ghi nhận từ các Hợp đồng tư vấn tại Hội sở và Chi nhánh tính đến hết tháng 12/2020 thì năm 2020, Phòng Tư vấn Chi nhánh đã hoàn thành đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ cho khách hàng với giá trị doanh thu mang về 2,72 tỷ đồng.
- Loại hình dịch vụ: NSI đã và đang thực hiện các dự án tư vấn tài chính doanh nghiệp trải rộng trên các lĩnh vực: tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa và một số dịch vụ liên quan khác.

❖ **Hoạt động Phân tích:**

Trong năm 2020, hoạt động phân tích đã có những kết quả đạt được khá rõ nét, từng bước tiến tới chuyên sâu như:

- Hỗ trợ cho Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng các báo cáo phân tích thị trường:
- Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày: cung cấp phân tích tổng quan về diễn biến thị trường trong ngày, đánh giá thanh khoản, xu hướng dòng tiền, sự biến động của các phân lớp cổ phiếu từ đó dự báo xu hướng thị trường trong phiên giao dịch tiếp theo.
 - + Báo cáo dự báo xu hướng thị trường trong tuần: tổng hợp các yếu tố thị trường diễn ra trong tuần từ đó kết hợp với các thông tin tài chính, vĩ mô, biến động trong tuần để đưa ra chiến lược đầu tư trong tuần tiếp theo.
 - + Báo cáo dự báo chiến lược đầu tư tháng: Đánh giá sâu sắc các nhân tố biến động thị trường và biến động vĩ mô diễn ra trong tháng, từ đó cập nhật dự báo xu hướng của nền kinh tế và một số ngành trọng điểm, kết hợp với các yếu tố trên thị trường để đưa ra chiến lược đầu tư tổng quát trong tháng cho nhà đầu tư.
- Phát hành các báo cáo phân tích doanh nghiệp (equity research):
 - + Hoạt động phân tích đã chú trọng tiếp xúc doanh nghiệp, đánh giá hoạt động kinh doanh cơ bản của doanh nghiệp, từ đó xây dựng mô hình định giá sâu sắc, thận trọng từ đó đưa ra khuyến nghị đầu tư. Chủ động liên hệ với các kênh thông tin trực tuyến nhằm mở rộng đối tượng nhà đầu tư biết tới công ty.
- Đánh giá nhanh các cơ hội đầu tư:
 - + Với nguồn lực nhân sự giới hạn, bộ phận phân tích của Công ty đã thực hiện đánh giá chi tiết một số cơ hội đầu tư trong khoảng thời gian ngắn, từ đó hỗ trợ cho hội đồng đầu tư trong việc nhanh chóng đưa ra quyết định đầu tư với các luận điểm và nghiên cứu sâu sắc.
- Thực hiện các báo cáo phân tích & xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu theo đề nghị của các doanh nghiệp trong cùng tập đoàn.
- Bám sát và thực hiện các báo cáo ngành và doanh nghiệp trong ngành: nước, bất động sản khu công nghiệp, chứng khoán, ngân hàng.

❖ **Hoạt động đầu tư (Tự doanh chứng khoán):**

- Năm 2020, dịch Covid-19 đã tác động mạnh đến thị trường chứng khoán Việt Nam theo cả 2 chiều hướng. Khi dịch bắt đầu bùng phát vào tháng 2, tâm lý hoảng loạn của nhà đầu tư khiến thị trường bị bán tháo, chỉ số VNIndex giảm từ mức 960 điểm (31/12/2019) xuống mức 660 điểm (24/03/2020). Tuy nhiên do dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến nền kinh tế nên Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước, trong đó có Việt Nam đã tung ra các gói hỗ trợ kinh tế và nới lỏng tiền tệ, dẫn đến lãi suất ngân hàng giảm mạnh, điều đó đã kích thích dòng tiền mới (nhà đầu tư F0) tham gia thị trường. Điều này đã giúp cho VNIndex phục hồi mạnh mẽ lên mức 1.103 điểm khi kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12, kèm theo đó là thanh khoản thị trường ở mức rất cao với giá trị khớp lệnh trung bình trên sàn HOSE trong tháng 12 đạt 11.000 tỷ đồng.
- Sự biến động mạnh của TTCK trong năm 2020 khiến giá trị danh mục đầu tư của NSI cũng có sự biến động rất lớn, đặc biệt là cổ phiếu có tính thị trường cao như DXG. Cụ thể như sau:
 - ✓ Cổ phiếu DXG giảm mạnh từ mức giá 14.500 đ/cp thời điểm tháng 1 xuống mức 7.700 đ/cp thời điểm cuối tháng 3, nhưng sau đó lại phục hồi trở lại lên mức 15.950 đ/cp khi kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12. Như vậy, giá cổ phiếu DXG đã tăng 10% so với thời điểm cuối năm 2019.
 - ✓ Hai cổ phiếu có tính thanh khoản thấp là CCI và DNP ít chịu tác động từ thị trường chung và diễn biến khá tích cực. Trong khi DNP tăng nhẹ 1,7% thì CCI lại tăng 21,2%.
 - ✓ Do tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của DSN khiến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp này sụt giảm mạnh, vì vậy giá cổ phiếu này đã giảm 18,6% so với cuối năm 2019;
 - ✓ Cổ phiếu DVN diễn biến khá tích cực trong năm 2020 khi có mức tăng 61,5% so với thời điểm cuối năm 2019, từ mức 10.900 đ/cp lên mức 17.600 đ/cp. Diễn biến tích cực của cổ phiếu này là do nhà đầu tư kỳ vọng hoạt động kinh doanh của công ty sẽ khả quan do nhu cầu sản phẩm dược phẩm và y tế tăng cao khi dịch Covid-19 sẽ còn kéo dài trong thời gian tới.
- Trong năm 2020, khi VNIndex tạo đáy tại 660 điểm vào tháng 3 rồi phục hồi trở lại khi dòng tiền chảy vào thị trường mạnh mẽ. Nhận định thị trường sẽ phục hồi tích cực trong giai đoạn cuối năm nên Phòng Tự doanh đã đề xuất danh mục đầu tư vào các mã DXG và HDC. Tuy nhiên do quy mô nguồn vốn của NSI còn hạn chế và quy chế đầu tư vẫn còn bó buộc nên chỉ mua được 100.000 cổ phiếu HDC với mức giá trung bình 24.265 đ/cp (trước đó đã đề xuất mua 2 lần tại vùng giá 14.000 đ/cp và 19.000 đ/cp). Vì vậy đã bỏ lỡ nhịp tăng mạnh của 2 cổ phiếu này, làm giảm hiệu quả hoạt động đầu tư của NSI.
- Trong năm 2020, DNP đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10%, giá bán 20.698 đ/cp. Tự doanh NSI sở hữu 1.515.600 cổ phiếu nên được quyền mua thêm 151.560 cổ phiếu mới. NSI đã nộp tiền thực hiện quyền mua DNP trong tháng 11 với giá trị 3,12 tỷ đồng.
- Tổng giá trị danh mục đầu tư NSI thời điểm 31/12/2020 là 133,9 tỷ đồng. So với giá mua đã tạm ghi nhận lãi 3,9 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2020 đã nhận được khoản cổ tức bằng tiền là 2,7 tỷ đồng nên tổng giá trị danh mục đang tạm lãi 6,6 tỷ đồng so với giá trị đầu tư ban đầu. Trong số 6 cổ phiếu đang đầu tư, 02 cổ phiếu DXG và DSN đang ghi nhận mức lỗ tạm tính lần lượt là 25,6% và 10,2%. Trong kỳ đã thực hiện chốt lãi HDC với mức giá trung bình 36.470 đồng/cổ phiếu, ghi nhận lãi 1,22 tỷ đồng. Các cổ phiếu CCI, DVN và DNP tạm ghi nhận lãi so với giá mua.

❖ Hoạt động của Bộ phận Công nghệ thông tin:

Năm 2020, bên cạnh việc thực hiện tốt các công việc thường xuyên và định kỳ như vận hành hệ thống, tham gia đầy đủ và làm báo cáo, test thử nghiệm với các sở. Ngày 06/04/2020, NSI chính thức hoàn thành xong việc test phần mềm core chứng khoán mới Altiss, chuyển đổi số liệu và Golive hệ thống.

❖ Hoạt động quản lý, giám sát, quản trị rủi ro:

Trong năm 2020, hoạt động kiểm soát, quản trị rủi ro tại NSI đã được thực hiện nghiêm túc bao gồm:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ Công ty. Kiểm tra, kiểm soát hoạt động nội bộ của Công ty cũng như các phòng ban đảm bảo hoạt động tốt, tuân thủ quy định của pháp luật.

- Chủ trì hoàn thiện các báo cáo định kỳ theo đúng quy định về thời hạn gửi cơ quan quản lý.
- Kiểm tra, giám sát công tác thay core phần mềm giao dịch chứng khoán và trực tiếp tham gia quá trình test phần mềm mới.
- Kiểm tra tính hệ thống, tính chính xác về công thức của phần mềm và đối chiếu chéo với các quy định của cơ quan ban ngành quản lý.
- Chốt số liệu hệ thống khi update phần mềm và đối chiếu số liệu khi golive

❖ **Công tác Tài chính kế toán:**

- Công tác Tài chính – Kế toán thực hiện nghiêm túc; việc hạch toán đầy đủ sổ sách cũng như tuân thủ nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán theo quy định hiện hành.
- Phối hợp với các phòng ban hoàn thành việc phát hành trái phiếu đợt 1 năm 2020 và thực hiện giải ngân nguồn tiền hiệu quả.
- Hoàn thiện việc kiểm toán định kỳ và gửi các báo cáo cho cơ quan bên ngoài.

❖ **Công tác Marketing:**

Trong năm 2020, bên cạnh việc tích cực tham gia các buổi hội thảo, các hoạt động do Sở giao dịch chứng khoán và đơn vị khác tổ chức thì NSI đã có một số hoạt động ủng hộ, tài trợ với kinh phí phù hợp tại một số sự kiện quy tụ lượng khách hàng tiềm năng nhằm quảng bá và đưa thương hiệu NSI đến với nhà đầu tư, khách hàng tiềm năng.

❖ **Lĩnh vực Công nghệ thông tin:**

Năm 2020, bên cạnh việc thực hiện tốt các công việc thường xuyên và định kỳ như vận hành hệ thống, tham gia đầy đủ và làm báo cáo, test thử nghiệm với các sở. Ngày 06/04/2020, NSI chính thức hoàn thành xong việc test phần mềm core chứng khoán mới Altiss, chuyển đổi số liệu và Golive hệ thống.

❖ **Công tác tuyển dụng:**

Với áp lực cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt là một số công ty chứng khoán có yếu tố nước ngoài với nguồn vốn lớn, chính sách hỗ trợ nhân sự đặc biệt thì việc thu hút, tuyển dụng nhân sự có trình độ cho Công ty thực sự gặp khó khăn. Một vài trường hợp sau khi đánh giá được năng lực ứng viên phù hợp với yêu cầu tuyển dụng nhưng lại vướng trong việc thỏa thuận về thu nhập vì NSI chưa thể đáp ứng được mức thu nhập cạnh tranh theo yêu cầu của ứng viên.

Ngoài ra, do việc tăng vốn chưa diễn ra trong năm 2020 nên NSI chưa vội vàng trong công tác tuyển dụng, hiện một số bộ phận Key trong Công ty như Phân tích, Đầu tư do Tổng Giám đốc trực tiếp kiêm nhiệm luôn công việc quản lý nhằm mục đích tiết giảm tối đa chi phí lương và quản lý doanh nghiệp.

❖ **Công tác đào tạo:**

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên việc tham gia các khóa đào tạo tập chung có những hạn chế nhất định, dẫn đến một số cán bộ sau khi hoàn thành các khóa học chuyên môn về chứng khoán vẫn chưa tham dự được kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề theo dự kiến đầu năm.

- *Về lĩnh vực đào tạo khác:*

- + NSI luôn phối hợp chặt chẽ với Ban Vận hành của tập đoàn để tổ chức các buổi đào tạo, hội thảo để nâng cao kiến thức và trình độ của CBNV.
- + Thường xuyên tổ chức cuộc thảo luận định kỳ giữa nhóm công việc, thông qua đó để chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức hỗ trợ lẫn nhau.

1.2 Những hạn chế:

Nhân sự bộ phận kinh doanh còn mỏng và công tác tuyển dụng nhân sự có chất lượng cũng gặp nhiều khó khăn nên Công ty chưa tối đa hóa được lợi nhuận của mình. Bên cạnh đó Công ty chưa có đầy đủ các

ng nghiệp vụ của công ty chứng khoán nên chưa thể triển khai các nghiệp vụ theo quy định của UBCK, điều này ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Tình hình tài chính:

2.1 Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	01/01/2020	31/12/2020
I Tài sản ngắn hạn	208.669.826.504	339.507.665.876
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	86.072.797.559	199.494.680.735
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	113.510.045.550	130.281.539.180
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	7.123.285.151	8.324.327.828
4. Hàng tồn kho	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.963.698.244	1.407.118.133
II Tài sản dài hạn	5.800.360.165	8.945.565.980
1. Tài sản cố định	644.145.134	3.553.468.103
2. Tài sản dài hạn khác	5.156.215.031	5.392.097.877
Tổng cộng tài sản	214.470.186.669	348.453.231.856

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020)

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nợ phải trả	01/01/2020	31/12/2020
I	Nợ ngắn hạn	2.533.104.076	106.450.242.620
1	Vay ngắn hạn- trái phiếu phát hành ngắn hạn	0	99.354.049.588
2	Người mua trả tiền trước	362.300.000	418.300.000
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	912.988.367	764.563.102
4	Phải trả người lao động	1.139.320.865	1.643.548.916
5	Chi phí phải trả	31.666.666	3.929.770.472
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	86.648.601	339.830.965
7	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	0	0
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	179.577	179.577
9	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	0
II	Nợ dài hạn		
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty.
- Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động....

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1 Một số dự báo tình hình năm 2021.

Kinh tế thế giới:

Năm 2020 được coi là năm đầy biến động do tác động của dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19, buộc các nước phải có các biện pháp phong tỏa phòng, chống đại dịch, khiến hơn 3,9 tỷ người (tương đương 50% dân số thế giới) phải làm việc và học tập ở nhà, đã và đang làm gián đoạn nguồn cung, doanh nghiệp, các nhà hàng, khách sạn, trung tâm giải trí, phòng tập thể thao phải đóng cửa; nhiều hoạt động văn hóa - xã hội bị hoãn, hủy, đẩy tỷ lệ thất nghiệp lên mức cao nhất từ trước tới nay, và kinh tế toàn cầu rơi vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng nhất kể từ Chiến tranh Thế giới thứ 2, vượt xa cả cuộc Đại suy thoái vào những năm 1930. Tuy nhiên, Nhận định về sự phục hồi kinh tế thế giới năm 2021, nhiều chuyên gia cho rằng, 'đòng thủy triều' đang hướng sang các thị trường mới nổi và năm 2021 sẽ là năm bùng nổ của những quốc gia này.

Tờ The Business Times (Singapore) số ra ngày 23/12 cho rằng, năm 2020 là một năm đầy biến động. Đại dịch Covid-19 đã khiến các nền kinh tế rơi vào suy thoái nghiêm trọng, song những gói kích cầu chưa từng có tiền lệ của các ngân hàng trung ương và chính phủ các nước trên toàn thế giới đã thúc đẩy các nền kinh tế phục hồi. Và, sự can thiệp này cũng đi kèm các hậu quả. Các điều kiện tín dụng lỏng lẻo, vốn có ý nghĩa thiết yếu trong việc duy trì sự tồn tại của các doanh nghiệp, đã dẫn đến thanh khoản tăng mạnh, vô tình khiến cổ phiếu toàn cầu đạt mức cao kỷ lục. Tất cả đều diễn ra trong một năm suy thoái.

Phục hồi không đồng đều

Các tình huống chưa từng có của cuộc suy thoái kinh tế do Covid-19 gây ra cũng đã làm cho những người tham gia thị trường trở nên dễ dàng hơn trong việc xem xét định giá thị trường hiện tại để hướng tới triển vọng tươi sáng hơn.

Sự lạc quan xung quanh những hi vọng về vaccine ngừa Covid-19, các biện pháp kích thích tài chính và sự quay trở lại của tăng trưởng kinh tế vào năm 2021 đã kích hoạt tâm lý chấp nhận rủi ro trong các nhà đầu tư bán lẻ và có tổ chức.

Các nhà phân tích có xu hướng nhất trí với những nhà đầu tư này rằng, năm 2021 có thể đánh dấu sự phục hồi kinh tế giai đoạn đầu, tương tự như những gì chúng ta đã chứng kiến sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 với những chất xúc tác tích cực.

Sự phục hồi tăng trưởng toàn cầu đồng bộ từ độ sâu suy thoái do dịch bệnh Covid-19 gây ra có khả năng được đẩy nhanh do việc triển khai thành công vaccine ngừa Covid-19, từ đó, có thể giúp thu nhập tăng mạnh trong 2 năm tới. Trên thực tế, thế giới cũng đang bắt đầu chứng kiến những tín hiệu tích cực về thu nhập trên hầu hết các thị trường và các ngành nghề.

Tốc độ phục hồi khác nhau

Các nhà phân tích tin rằng, tốc độ phục hồi kinh tế và thu nhập giữa các khu vực sẽ khác nhau đáng kể. Mặc dù dịch bệnh được kiểm soát tốt ở các khu vực chính của châu Á, nhưng các khu vực như Mỹ, châu Âu và Mỹ Latinh thì không được như vậy.

Cụ thể, Trung Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) đã nối lại "hoạt động kinh doanh như thường lệ" vào đầu tháng 5 năm nay. Trong khi đó, các quốc gia phát triển phương Tây đang tiếp tục vật lộn với những làn sóng bùng phát Covid-19 mới, buộc các nhà hoạch định chính sách phải thực hiện các biện pháp phong tỏa định kỳ ở một số khu vực. Điều này khiến cho việc mở cửa trở lại nền kinh tế trở thành một thách thức vô cùng lớn.

Sự khác biệt trong khả năng kiểm soát dịch bệnh Covid-19 ở những khu vực này cho thấy mức độ ảnh hưởng về kinh tế ở các nền kinh tế phát triển phương Tây nghiêm trọng hơn so với các nền kinh tế mới nổi của châu Á.

Như vậy, các nền kinh tế châu Á dự kiến sẽ khởi động năm 2021 trên một nền tảng vững chắc, trong khi các điều kiện tăng trưởng tồi tệ hơn sẽ làm chậm quá trình phục hồi của các quốc gia phát triển phương Tây.

Châu Á và thị trường mới nổi sẽ dẫn đầu

Các nhà phân tích tin rằng, trên cơ sở địa lý, châu Á và các thị trường mới nổi có khả năng hoạt động tốt hơn các thị trường phát triển như Mỹ và châu Âu. Các thị trường mới nổi của châu Á có hồ sơ lỗi lầm tốt hơn.

Chứng khoán của Mỹ Latinh và EMEA (châu Âu, Trung Đông và châu Phi) có khả năng tăng giá cao hơn, nhưng các nhà đầu tư có thể gặp rủi ro cao hơn khi đầu tư vào đây vì hiện nay các yếu tố cơ bản của chứng khoán các khu vực đó không mạnh như của chứng khoán châu Á. Tuy nhiên, các nhà phân tích cũng lưu ý rằng, việc phê duyệt vaccine sớm sẽ giảm bớt nhiều rủi ro của các khu vực đó.

Sự phục hồi vững chắc của Trung Quốc từ dịch Covid-19 trong nửa cuối năm 2020 đã đem lại kết quả GDP của nước này tăng trong năm nay, ngay cả khi nền kinh tế toàn cầu giảm. Điều này tạo điều kiện cho các nền kinh tế ngoại vi ở châu Á như Đài Loan (Trung Quốc) và Hàn Quốc tận dụng nhu cầu đang tăng lên của Trung Quốc khi các hoạt động thương mại trở lại mức trước dịch bệnh.

Các nhà phân tích tin rằng, trong thời gian tới, tổng hợp của các chất xúc tác tích cực sẽ hỗ trợ cho các nền kinh tế mới nổi. Sự kết hợp của sự phục hồi theo chu kỳ năm 2021; đồng USD yếu; chu kỳ tăng hàng hóa có thể có của sự mở rộng toàn cầu; và sự phục hồi mạnh mẽ về thu nhập là những động lực không thể bỏ qua.

Hơn nữa, một chính sách ổn định hơn và thân thiện với thương mại hơn của Mỹ dưới thời chính quyền Tổng thống Mỹ đắc cử Joe Biden sẽ hỗ trợ thêm cho tăng trưởng của các thị trường mới nổi. Lần cuối cùng các nhà phân tích quan sát thấy mối liên kết giữa các điều kiện cơ bản và vĩ mô thuận lợi như vậy là sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, cách đây hơn một thập kỷ.

Các nhà phân tích nhận định rằng với đà phục hồi kinh tế được cải thiện đáng kể trong những tháng gần đây, “dòng thủy triều” đang hướng sang các thị trường mới nổi và năm 2021 sẽ là năm bùng nổ của những quốc gia này.

Kinh tế năm 2021 cũng được dự đoán là sẽ tiếp tục chứng kiến sự thay đổi trong các lĩnh vực sau:

Tăng trưởng kinh tế

Theo giới chuyên gia kinh tế, hậu quả của đại dịch Covid-19 đối với kinh tế toàn cầu sẽ còn dai dẳng, tăng trưởng GDP không chỉ đối mặt với triển vọng âm ảm trong năm 2021 mà còn lan sang cả năm 2022-2023, với đầu tư tư nhân và tăng năng suất thấp hơn. Đối với các nền kinh tế phát triển, mức tăng trưởng GDP vào cuối năm 2021 sẽ vẫn thấp hơn năm 2019 và thấp hơn đáng kể so với mức dự kiến trước đại dịch.

Trong năm 2021, nhiều khả năng tốc độ phục hồi việc làm của Mỹ - cường quốc số 1 thế giới có thể tăng cao sau cú sốc ban đầu của đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, do Chương trình bảo vệ tiền lương đã hết hạn vào cuối tháng 7/2020, sự phục hồi có xu hướng sẽ giảm tốc do có ít hỗ trợ hơn, đặc biệt là do ảnh hưởng của hậu bầu cử Tổng thống. Do vậy, GDP của Mỹ sau khi giảm 6% vào năm 2020 có thể đạt mức phục hồi 3,7% vào năm 2021. Nếu cuộc khủng hoảng y tế tiếp tục kéo dài trong những tháng tới, GDP dự kiến sẽ giảm 7% vào năm 2020 và tăng trưởng chỉ đạt 1% vào năm 2021.

Kinh tế của Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) dự kiến sẽ phục hồi với mức tăng 5,8% vào năm 2021, sau khi ghi nhận mức giảm 7,1% trong năm 2020. Trong số các thành viên của Eurozone, Đức dự kiến sẽ phục hồi nhanh hơn nhờ các biện pháp kích thích tài chính mạnh mẽ và thu nhập phục hồi trở lại mức trước đại dịch vào quý 1/2023. Sự phục hồi sẽ diễn ra dần dần sau suy thoái kinh tế năm 2020. Tăng trưởng sẽ phục hồi mạnh mẽ vào năm 2021 chủ yếu nhờ các tác động cơ bản thuận lợi vào đầu năm.

Tại khu vực châu Á, giới chuyên gia nhận định tăng trưởng trong khu vực dự kiến sẽ dần phục hồi sau khi bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Mặc dù đang trong tình trạng thu hẹp, khu vực này vẫn duy trì hiệu suất tương đối so với phần còn lại của thế giới. Xét về tổng thể, khu vực châu Á vẫn có những nền tảng cơ bản tương đối vững chắc nhờ khả năng phục hồi của mỗi quốc gia.

Phục hồi đối với Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới vẫn sẽ được duy trì trong bối cảnh nước này kiểm soát tốt dịch bệnh và thực hiện các biện pháp kích thích tương đối hiệu quả. Nhằm ngăn chặn tình trạng mất cân đối cơ cấu ngày càng trầm trọng, hiện chính sách kinh tế của Trung Quốc đang hướng tới sự bền vững của tăng trưởng thay vì chỉ tập trung theo đuổi các biện pháp kích thích. Do chính sách kích thích

kinh tế chú trọng nhiều hơn đến tính bền vững của tăng trưởng (tức không làm trầm trọng thêm tình trạng mất cân bằng cơ cấu), tăng trưởng sẽ không cao như mong đợi, dự kiến vào khoảng 8% trong năm 2021.

Thị trường chứng khoán

Chủ tịch Viện Các vấn đề Quốc tế Hoàng gia (Chatham House), cựu Bộ trưởng Tài chính Anh Jim O'Neill mới đây đã đưa ra dự báo tích cực về thị trường chứng khoán trong năm 2021. Trước đó, ông từng có những nhận định lạc quan về diễn biến thị trường chứng khoán năm 2020. Mọi thứ đã gần như diễn ra như tác giả dự đoán, do chính sách tài khóa và tiền tệ mở rộng đáng kể và sự xuất hiện kịp thời của các loại vaccine có khả năng chấm dứt đại dịch Covid-19.

Theo ông O'Neill, về mặt tích cực, năm 2021 sẽ diễn ra theo kịch bản tương tự như năm 2020, với các chính sách tiền tệ và tài khóa hào phóng chứng minh cho sự lạc quan hơn nữa về các cổ phiếu. Thời gian gần đây, các nhà hoạch định chính sách đã đưa ra bình luận về các chính sách hỗ trợ tài chính "hào phóng" hơn đang được thực hiện, đặc biệt là ở Mỹ. Nhiều khả năng Tổng thống đắc cử Mỹ Joe Biden, một khi nhậm chức, cũng sẽ kêu gọi một cuộc họp đặc biệt của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) để chứng minh rằng "Nước Mỹ đã trở lại".

Tuy nhiên, vẫn có những yếu tố có thể khiến thị trường cổ phiếu ở Mỹ đi xuống. Trong bối cảnh vaccine ngừa Covid-19 đang dần được phân phối ra nhiều nước, các nhà đầu tư có thể chuyển hướng sang cổ phiếu trong lĩnh vực khác, thay vì chỉ tập trung vào cổ phiếu công nghệ. Vị trí độc tôn của cổ phiếu công nghệ cũng sẽ phụ thuộc vào việc nhà chức trách sẽ xử lý vấn đề chống độc quyền với hãng công nghệ lớn như thế nào. Bên cạnh đó, sau một chu kỳ phục hồi mạnh mẽ, các nhà hoạch định chính sách sẽ xem xét thắt chặt các chính sách tài khóa và tiền tệ. Một số rủi ro khác có thể khiến cổ phiếu giảm giá như nguy cơ xung đột quân sự, bất ổn chính trị và xu hướng lên xuống của đồng USD.

Mặc dù chuyên gia Jim O'Neill dự đoán thị trường cổ phiếu sẽ tăng giá vào năm sau, song ngay cả khi dự báo này đúng thì năm 2021 vẫn hứa hẹn là một năm buồn tẻ đối với các nhà đầu tư cổ phiếu.

Tài sản vốn công nghệ

Ngân hàng Saxo Bank của Đan Mạch dự báo việc lập ra một quỹ công nghệ dân sự sẽ mang lại cho mỗi người một phần tài sản vốn công nghệ, với phần bổ sung sẽ được chuyển đến những người bị mất việc làm, mang lại cho họ lợi ích của việc tăng năng suất trong thời đại kỹ thuật số. Theo đó, chính sách "chia cổ tức dựa trên tiến bộ công nghệ" này nhằm giảm bớt khó khăn về kinh tế-xã hội của những người không thể hưởng lợi từ phát triển kinh tế trong những năm gần đây.

Saxo Bank cho rằng việc đưa vào sử dụng các hệ thống vệ tinh để phân phối Internet sẽ làm giảm giá thông tin liên lạc và tăng tốc độ trao đổi dữ liệu. Ngoài ra, cuộc cách mạng về công nghệ tài chính (fintech) và ngân hàng điện tử đã bắt đầu và sẽ tiếp tục, cho phép hàng tỷ người tiếp cận với nền kinh tế kỹ thuật số thông qua thiết bị di động. Các dự đoán cho biết sự phát triển của máy bay không người lái sẽ cách mạng hóa việc giao hàng, giảm chi phí sinh hoạt ở xa các thành phố lớn. Công nghệ không người lái, cùng với tự động hóa, cũng sẽ được áp dụng cho nông nghiệp, làm tăng năng suất lao động.

Thay đổi trong hình thức biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế

Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế cơ bản khó có thể đảo ngược trong phát triển kinh tế thế giới, song hình thức biểu hiện của nó sẽ có sự thay đổi. Trong mấy năm qua, do kinh tế toàn cầu phát triển mất cân bằng, sự bất bình đẳng giữa các nước gia tăng, chủ nghĩa dân túy không ngừng phát triển, chủ nghĩa bảo hộ trở dậy, nên làn sóng "chống lại toàn cầu hóa" trên phạm vi toàn cầu dâng cao. Đại dịch Covid-19 toàn cầu lần này chắc chắn sẽ làm trầm trọng hơn sự lan truyền của làn sóng chống lại toàn cầu hóa.

Do các nước lần lượt áp dụng những biện pháp kiểm soát dịch bệnh như cách ly, giám sát hải quan..., nên sự lưu chuyển con người và các yếu tố sản xuất chắc chắn sẽ bị cản trở trong ngắn hạn, điều này sẽ khiến toàn cầu hóa và mở cửa phát triển bị cản trở trong ngắn hạn. Nhận thức và cách thức ứng phó đối với dịch bệnh giữa các quốc gia không giống nhau, vấn đề dịch bệnh đã làm nảy sinh nhiều tranh cãi và mâu thuẫn. Điều này làm cho chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa bảo hộ phát sinh, phát triển mạnh hơn, từ đó gây nên tình trạng một số quốc gia xem "hướng nội" là lựa chọn quan trọng hàng đầu trong đối sách kinh tế.

Kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán:

Không dừng lại ở con số 6,5%, nhiều tổ chức quốc tế thậm chí tin tưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt mức tăng trưởng cao tới 6,8%, thậm chí tới trên 7% trong năm 2021. Tuy nhiên, cần lưu ý khả năng chuyển đổi số có thể chùng xuống khi dịch bệnh được kiểm soát, các nhân tố mới khiến việc thiết kế, thực thi chính sách kích thích trở nên phức tạp...

Sáng 19/1, Viện Kinh tế Việt Nam (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) công bố “Báo cáo Kinh tế Việt Nam 2020: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo”.

Theo Báo cáo, tác động từ cú sốc COVID-19 lên nền kinh tế Việt Nam nặng nề hơn rất nhiều so với các cú sốc từ cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á năm 1997 và cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Hai cú sốc này làm cho tăng trưởng ở mức thấp nhất là 4,77% năm 1999 và 5,40% năm 2009, vẫn còn cao hơn so với năm 2020 (2,91%). Tuy nhiên, cú sốc COVID-19 có thể mang tính tạm thời, sẽ không kéo dài như hai cú sốc tài chính năm 1997 và 2008.

Kết thúc năm 2020, Việt Nam đã đạt được “mục tiêu kép” vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cả năm 2020 đạt 2,91%, thấp nhất kể từ sau Đổi mới năm 1986 nhưng tốc độ tăng trưởng có sự phục hồi ấn tượng sau khi sụt giảm vào quý II/2020 và ở mức cao so với nhiều nước trên thế giới và khu vực.

Theo Viện Kinh tế Việt Nam, có nhiều ngành bị tác động tiêu cực bởi dịch bệnh COVID-19 song cũng có nhiều nhóm ngành được hưởng lợi. Đây là điểm rất khác biệt với nền kinh tế khi bị khủng hoảng tài chính, khi hầu hết các ngành bị ảnh hưởng, hoặc có ít ngành hưởng lợi hơn.

“Nói chung, COVID-19 đặt nền kinh tế nước ta dưới nhiều thách thức, nhưng đồng thời cũng tạo cơ hội to lớn trong thúc đẩy nền kinh tế chuyển đổi số. Xu hướng chuyển đổi số trong nền kinh tế đã bắt đầu từ mấy năm gần đây (trong đó có sự ban hành Nghị quyết 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư), nhưng COVID-19 xuất hiện đã thúc đẩy quá trình chuyển đổi số nhanh hơn”, Báo cáo nhận định.

Theo ông Lê Xuân Sang, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, năm qua, doanh nghiệp phát triển công nghệ học từ xa (edtech) tăng trưởng mạnh chưa từng có. Các ngành công nghệ số quan trọng khác cũng tăng trưởng từ 18% (truyền thông trực tuyến) đến 46% (thương mại điện tử). COVID-19 cũng đã thúc đẩy nhận thức chuyển đổi số ngành ngân hàng sớm thêm từ 3 đến 5 năm; đồng thời tạo bước nhảy vọt trong hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt...

Nhìn sang năm 2021, báo cáo cho rằng, mặc dù dịch bệnh COVID-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, nhưng những dấu hiệu tích cực đang dần sáng rõ. Nền kinh tế thế giới sẽ ấm dần lên, kéo theo đó hoạt động đầu tư, thương mại của nền kinh tế nước ta.

Theo mô hình dự báo của Viện Kinh tế Việt Nam, tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam dự báo đạt 5,49% (kịch bản cơ sở), 6,9% (kịch bản cao) và 3,48% (kịch bản thấp). Khả năng đạt được mỗi kịch bản trong thực tế phụ thuộc vào tình hình kinh tế thế giới và sự tăng cường năng lực hấp thụ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Báo cáo lưu ý, các dự báo của tổ chức quốc tế và chỉ tiêu tăng trưởng mà Chính phủ Việt Nam đã đề ra sẽ đạt được chỉ trong kịch bản cao khi mà kinh tế thế giới tăng trưởng mạnh, giá dầu ổn định hỗ trợ tăng trưởng và nền kinh tế nội địa cải thiện được khả năng hấp thụ vốn FDI.

Thiết kế chính sách kiến tạo phát triển hơn

Nhóm nghiên cứu cho rằng, trong bối cảnh rủi ro, khó đoán định của giai đoạn tới, các chính sách phải tập trung vào việc cần nhận diện rõ hơn và cần trả lời rõ hơn câu hỏi các yếu tố đã giúp Việt Nam thành công trong việc đạt mục tiêu kép năm 2020, vậy các yếu tố đó sẽ còn được tiếp tục duy trì không trong năm 2021.

Đồng thời, cần phải tránh chủ quan cho rằng Việt Nam đang ở nhóm tăng trưởng cao nhất thì có nghĩa là nhiều vấn đề về cơ cấu và chất lượng tăng trưởng đã được giải quyết, trái lại các điểm nghẽn vẫn cần phải được tập trung tháo gỡ một cách quyết liệt.

Báo cáo cũng lưu ý, cần phải thay đổi tư duy, biến công nghệ thông tin và chuyển đổi số là cú hích quan trọng và là trụ cột nền tảng để nâng đỡ quá trình phục hồi, tăng cường năng lực chống chịu và cải thiện chất lượng tăng trưởng theo hướng hiệu quả, xanh và bền vững.

“Việt Nam đang đứng trước cơ hội vàng để có thể bứt phá và tăng tốc nhờ khoa học công nghệ và tiệm cận dần với giai đoạn của đổi mới sáng tạo, một số lĩnh vực có thể bước cùng với các nước đã đi trước (công nghệ 5G, chuyển đổi số, công nghệ nano...), đây là cơ hội hiếm có để thu hẹp khoảng cách với các nước trong khu vực”, Báo cáo nhận định và lưu ý, đổi mới tư duy và đổi mới thể chế chính sách theo hướng tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích mạnh mẽ và huy động sự tham gia của khu vực ngoài nhà nước là yếu tố quan trọng bậc nhất cho khoa học, công nghệ để phát triển cũng như huy động được nguồn lực cần thiết cho đầu tư vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó cần có những thử nghiệm đột phá về thể chế, chính sách.

Về giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế giai đoạn “hậu COVID” dựa trên đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ông Lê Xuân Sang cho rằng, đại dịch là cú hích quan trọng ban đầu đối với quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam, tuy nhiên, quá trình này không dễ dàng do nhiều nguyên nhân và một khi bệnh dịch được kiểm soát như hiện nay, thì nỗ lực chuyển đổi số có thể chùng xuống, thậm chí ngưng hẳn, nhất là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Do đó, cần xây dựng, triển khai thực hiện sớm Chiến lược chuyển đổi số trong kết hợp với các gói kích thích kinh tế (mới), giải pháp cơ cấu lại ngành/hàng liên quan; đồng thời, xây dựng, thực hiện các quy định/giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số hữu hiệu, an toàn.

Việc chống suy giảm tăng trưởng trong và sau đại dịch có những đặc trưng, tác động mới, có khác biệt với các đợt khủng hoảng trước, do vậy, các gói hỗ trợ và việc thực thi phải tính đến đúng mức các đặc trưng và bản chất của cú sốc COVID-19. Trong khủng hoảng COVID-19, các nhân tố mới khiến việc thiết kế, thực thi chính sách kích thích trở nên phức tạp, việc thiết kế chính sách phải khác biệt, chi tiết hơn và có tính kiến tạo phát triển hơn, ông Lê Xuân Sang nhận định.

Khi nguồn lực hạn chế, chỉ nên tập trung ưu tiên vào giải cứu, hỗ trợ các doanh nghiệp có triển vọng tăng trưởng cao, tạo năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo cho nền kinh tế trong dài hạn; mức độ, ngành hàng thuộc diện giải cứu cần tính đến mức độ hưởng lợi, thiệt hại của ngành từ đại dịch.

Nhóm nghiên cứu cũng khuyến nghị, để thúc đẩy tái cơ cấu và huy động vốn cho nền kinh tế, doanh nghiệp (khi thị trường chứng khoán đang rất thuận lợi), cần đẩy mạnh việc IPO, thoái vốn các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước.

Doanh số bán lẻ vẫn tiếp tục đà tăng

Báo cáo mới nhất về dự báo kinh tế Châu Á của Khối Nghiên cứu Kinh tế HSBC nhìn nhận, với tốc độ tăng trưởng GDP 2,91% trong năm 2020, kinh tế Việt Nam dù đạt mức tăng thấp nhất trong thập kỷ gần đây nhưng trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, đây vẫn được là thành công lớn đưa Việt Nam vào nhóm tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.

Các dữ liệu kinh tế gần đây cho thấy đà phục hồi kinh tế Việt Nam đang diễn ra, đặc biệt là với các đơn hàng xuất khẩu điện thoại do chu kỳ điện thoại thông minh kéo dài.

Bên cạnh đó, nhu cầu trong nước tiếp tục phục hồi mạnh mẽ và bất chấp làn sóng dịch bệnh lần thứ hai làm giảm tốc độ phục hồi nhưng doanh số bán lẻ vẫn tiếp tục đà tăng một cách mạnh mẽ.

Dự báo về tốc độ tăng trưởng trong năm 2021, HSBC cho rằng Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ sự phục hồi do công nghệ dẫn đầu, dòng vốn FDI bền bỉ và nhiều hiệp định thương mại được ký kết. Theo đó dù hạ mức dự báo tăng trưởng so với dự báo trước đó là 8,1%, HSBC vẫn tin tưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt mức tăng trưởng 7,6% trong năm 2021, chủ yếu do sự phục hồi của ngành du lịch vẫn bị kéo dài.

Các chuyên gia của HSBC cho rằng, mặc dù Việt Nam đã sẵn sàng để vượt lên so với các nước trong khu vực vào năm 2021 nhưng vẫn có những rủi ro đối với quá trình phục hồi kinh tế. Cụ thể là lĩnh vực du lịch

vẫn còn nhiều trở ngại và dù điều tồi tệ nhất có thể đã qua sau quý II/2020 nhưng các dịch vụ liên quan đến du lịch như chỗ ở và vận chuyển vẫn mắc kẹt trong tình hình hiện nay.

Chính vì vậy, dù làn sóng dịch COVID-19 lần thứ hai nhanh chóng được kiểm chế nhưng HSBC đánh giá, điều đó có thể khiến Chính phủ thận trọng hơn trong việc tái mở cửa biên giới và thu hút khách du lịch quốc tế. Sự phục hồi có ý nghĩa của ngành du lịch sẽ khó có thể xảy ra trong thời gian tới cho đến khi có vaccine hiệu quả và một cách tiếp cận phối hợp toàn cầu về du lịch quốc tế.

Nhiều tín hiệu tích cực cho năm 2021

Trước đó trong báo cáo "Điểm lại - Cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam", WB dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có thể đạt khoảng 6,8% trong năm 2021 và sẽ ổn định quanh mức 6,5% các năm tiếp theo. Các phân tích và dự báo của WB được đưa ra dựa trên giả định rằng khủng hoảng COVID-19 sẽ dần được kiểm soát, đặc biệt khi vaccine COVID-19 chứng minh được tính hiệu quả.

WB cho rằng, hai bài học rút ra qua xử lý thành công khủng hoảng COVID-19 có thể áp dụng để giải quyết tốt hơn các vấn đề môi trường, trong đó cách tốt nhất để đối phó với cú sốc bên ngoài là phải chuẩn bị từ trước, đồng thời phải hành động sớm và kiên quyết. Hơn nữa ngoài tầm nhìn và năng lực, việc tạo điều kiện thử nghiệm cách làm mới, sáng tạo cũng góp phần thay đổi hành vi của các cá nhân, tập thể và đây được coi là nền tảng cho các chiến lược ứng phó với những nguy cơ về y tế và khí hậu.

Liên quan đến các dự báo về tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2021, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh (CEBR) của Anh mới đây cũng công bố báo cáo về triển vọng phát triển của 193 nền kinh tế tới năm 2035. Trong số này, dữ liệu gây chú ý của CEBR là kinh tế Việt Nam có thể sẽ vươn lên vị trí thứ 19 thế giới vào 2035.

Cụ thể trong giai đoạn 2021-2025, CEBR dự báo kinh tế Việt Nam sẽ đạt tốc độ tăng trưởng trung bình 7%, giảm nhiệt xuống còn 6,6% trong 10 năm tiếp theo và đến năm 2035 sẽ vượt qua Đài Loan (Trung Quốc) và Thái Lan. Đây là hai nền kinh tế được CEBR dự báo có thứ hạng lần lượt là 21 và 25. Đánh giá về kết quả tăng trưởng năm 2020, báo cáo của CEBR cũng nhìn nhận nhờ kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả dịch COVID-19, kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn tăng trưởng dương, đạt mức 2,91% và thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Trong Nghị quyết 01 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 vừa được ban hành, Chính phủ đặt mục tiêu tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong năm 2021 đạt khoảng 6,5%, cao hơn kế hoạch năm 2021 được Quốc hội giao là khoảng 6%. GDP tính theo bình quân đầu người trong năm 2021 theo đó sẽ đạt khoảng 3.700 USD.

Thị trường chứng khoán Việt Nam (TTCK) đã có một năm tăng trưởng ấn tượng với Chỉ số VN Index vượt 1.100 điểm, đạt 1103,87 điểm, tăng mạnh tới 67% so với thời điểm thấp nhất của năm 2020. Bước sang năm 2021, ngành chứng khoán sẽ tập trung triển khai vào một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, tập trung nỗ lực bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư tạo động lực thúc đẩy TTCK Việt Nam phát triển bền vững.

Vĩ mô ổn định, phục hồi ngoạn mục

Trao đổi với báo chí, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) Trần Văn Dũng cho biết, dù chịu tác động nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, nhờ Việt Nam đã kiểm soát tốt dịch bệnh, tình hình kinh tế vĩ mô trong nước có nhiều điểm sáng, Chính phủ, Bộ Tài chính chỉ đạo kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ thị trường, TTCK Việt Nam đã phục hồi bền vững và tăng trưởng ngoạn mục, được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán có sức chống chịu với đại dịch và phục hồi tốt nhất thế giới.

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có một năm tăng trưởng ấn tượng với Chỉ số VN Index vượt 1.100 điểm, đạt 1103,87 điểm, tăng mạnh tới 67% so với thời điểm thấp nhất của năm 2020, tăng 14,9% so với thời điểm cuối năm 2019; chỉ số HNX Index tăng gần 119% so với thời điểm cuối Quý I/2020 và tăng 98,1% so với cuối năm 2019.

Quy mô thị trường cổ phiếu và trái phiếu đã phục hồi mạnh, quy mô vốn hóa của thị trường cổ phiếu đạt gần 5.294 nghìn tỷ đồng, tăng 69% so với thời điểm cuối Quý I và tăng 20,8% so với cuối năm 2019, tương đương với 87,7% GDP năm 2019 và 84,1% GDP năm 2020, vượt mục tiêu đề ra.

Thanh khoản của thị trường tăng mạnh lên mức cao kỷ lục cho thấy sức hấp dẫn của thị trường Việt Nam dù chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19. Trên thị trường cổ phiếu, giá trị giao dịch bình quân năm 2020 đạt trên 7.420 tỷ đồng/phiên, tăng 59,3% so với bình quân năm 2019...

Đáng chú ý, số lượng tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới tăng kỷ lục trong năm 2020. Số tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới trên thị trường Việt Nam đạt gần 394 nghìn tài khoản, tăng 109% so với số lượng tài khoản mở mới trong năm năm 2019, khối ngoại mở mới 2.856 tài khoản. Tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt hơn 2,77 triệu tài khoản, tăng 16,7% so với cuối năm 2019.

Trên thị trường phái sinh, giao dịch của hợp đồng tương lai trên chỉ số sôi động, thanh khoản tăng gần 80% so với năm trước. Trong năm vừa qua, TTCK phái sinh tiếp tục đóng vai trò phòng vệ rủi ro hiệu quả, có tác dụng ổn định tâm lý nhà đầu tư. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 156.852 hợp đồng/phiên, tăng 77% so với bình quân năm 2019. Tính tại thời điểm 31/12/2020, khối lượng mở OI toàn thị trường đạt 40.339 hợp đồng, tăng 143% so với cuối năm 2019.

Ông Trần Văn Dũng cho biết, tổng mức huy động trên TTCK ước đạt 413.700 tỷ đồng, tăng 30% so với cuối năm 2019, trong đó huy động qua phát hành cổ phiếu giảm, qua cổ phần hóa tăng nhẹ, riêng huy động trái phiếu Chính phủ tăng kỷ lục gần 350.000 tỷ đồng với kỳ hạn phát hành bình quân duy trì ở mức cao (gần 14 năm) và lãi suất phát hành bình quân đạt thấp hơn 0,78%-1,45% so với mức năm 2019 (2,83%). Ngoài ra, trái phiếu doanh nghiệp cũng ghi nhận một năm phát hành kỷ lục (39.895 tỷ đồng)...

Bám sát chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm

Chủ tịch UBCKNN nhận định, trong bối cảnh diễn biến phức tạp của TTCK toàn cầu, trong đó có TTCK Việt Nam do tác động bởi dịch COVID-19, UBCKNN đã báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính, kiên định với chính sách không can thiệp hành chính thị trường, chuẩn bị tốt trước mọi tình huống và thực hiện các giải pháp kịp thời giúp thị trường hoạt động ổn định.

Đồng thời, UBCKNN đã nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm năm 2020. Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, UBCKNN đã tổ chức xây dựng kế hoạch soạn thảo và tích cực triển khai xây dựng 3 Nghị định, 11 Thông tư quy định chi tiết Luật Chứng khoán. Đến nay, toàn bộ 3 Nghị định và 11 Thông tư đã được ký ban hành.

Công tác quản lý và tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán tiếp tục được thực hiện theo chiều hướng tích cực và đúng lộ trình. Công tác quản lý hoạt động phát hành chứng khoán, quản lý công ty đại chúng, xem xét hoạt động kiểm toán ngày càng được nâng cao.

Trong bối cảnh dịch còn diễn biến phức tạp trên thế giới, UBCKNN tăng cường công tác giám sát, phối hợp giám sát thường xuyên và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trên TTCK góp phần tích cực để thị trường phát triển ổn định, thu hút nhà đầu tư tham gia mạnh mẽ nhất từ trước tới nay. Năm 2020, UBCKNN đã ra 380 quyết định xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân với tổng số tiền phạt và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp là 22,2 tỷ đồng; có 2 vụ án liên quan đến thao túng TTCK đã được xét xử.

Về nâng hạng thị trường chứng khoán, UBCKNN đã tận dụng Hỗ trợ kỹ thuật (HTKT) của Ngân hàng thế giới về nâng hạng thị trường trong khuôn khổ chương trình phát triển thị trường vốn J-CAP. Kết quả là FTSE Russell tiếp tục duy trì Việt Nam trong danh sách chờ xét nâng hạng TTCK từ thị trường cận biên lên thị trường Mới nổi.

Đặc biệt, năm 2020, UBCKNN đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong vai trò Chủ tịch Diễn đàn Thị trường Vốn ASEAN (ACMF), được đại diện cơ quan chứng khoán các nước ASEAN đánh giá cao vai trò chủ trì, điều phối.

Ông Trần Văn Dũng cho biết, với nền tảng và cơ sở pháp lý cho sự phát triển thị trường đã xây dựng trong năm qua, bước sang năm 2021, ngành Chứng khoán sẽ tập trung triển khai vào một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm như: tập trung nỗ lực đưa các quy định, chính sách mới của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn vào thực tiễn, để hỗ trợ cho doanh nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư tạo động lực thúc đẩy TTCK Việt Nam phát triển bền vững; tổng kết, xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban

hành chiến lược phát triển Thị trường Chứng khoán giai đoạn 2021 – 2030 để định hình mục tiêu, giải pháp về lộ trình phát triển TTCK – thị trường vốn về dài hạn.

Ngành chứng khoán sẽ hoàn thành dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động giao dịch, thanh toán nhằm triển khai các sản phẩm tài chính mới; đẩy nhanh việc cơ cấu lại thị trường Chứng khoán, hoàn thiện bộ máy Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23/12/2020 của Chính phủ. Đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát thị trường chứng khoán và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Chủ tịch UBCKNN Trần Văn Dũng cho biết thêm, Ủy ban đang triển khai hệ thống giao dịch KRX của Hàn Quốc sẽ đưa vào vận hành chính thức vào cuối năm 2021.

"Sau Tết Nguyên đán, UBCKNN sẽ thử nghiệm hệ thống mới với các công ty chứng khoán", ông Trần Văn Dũng nói.

Liên quan đến Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, ông Trần Văn Dũng cho biết, Quyết định 37 về thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam có hiệu lực từ ngày 20/2/2021 nhưng theo quy định trong Luật Chứng khoán sửa đổi, trong vòng 2 năm kể từ ngày thành lập, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam phải được đưa vào vận hành.

"Tôi tin rằng chậm nhất trong năm 2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam sẽ được đưa vào vận hành", ông Dũng nhấn mạnh.

Việc đưa vào vận hành Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam vào cuối năm 2021, cũng khớp với thời gian dự kiến vận hành chính thức hệ thống giao dịch KRX. Sau đó, UBCKNN sẽ tiến hành tái cơ cấu theo hướng chuyển quyền vận hành thị trường cổ phiếu cho HoSE và chuyển quyền vận hành thị trường trái phiếu cho HNX.

"UBCKNN mong muốn các cơ quan thông tấn báo chí sẽ tiếp tục đồng hành cùng ngành chứng khoán, phối hợp thông tin chặt chẽ với UBCKNN tuyên truyền về cơ chế chính sách pháp luật về chứng khoán, kết quả công tác chỉ đạo điều hành phát triển thị trường", ông Trần Văn Dũng nói.

4.2. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

Năm 2021, yếu tố quan trọng hàng đầu cần đánh giá là diễn biến của dịch Covi-19, mặc dù đã xuất hiện Vaccine tại nhiều quốc gia, nhưng năng lực sản xuất và tốc độ tiêm chủng vẫn là những hạn chế khiến cho việc kiểm chế Covid-19 chưa thể hoàn toàn giải quyết trong một vài tháng đầu năm. Hoạt động di chuyển, vận chuyển giữa các quốc gia với Việt Nam tiếp tục bị siết chặt, đình trệ, chuỗi cung ứng toàn cầu chưa thể hồi phục ngay về giai đoạn 2018 – 2019, chí ít là trong 06 tháng đầu năm 2021. Tuy nhiên, bất chấp tình hình vĩ mô tiêu cực, hoạt động nói lỏng tiền tệ, hạ lãi suất hỗ trợ hồi phục sản xuất, tăng cường giải ngân đầu tư công vẫn sẽ được Chính phủ đẩy mạnh để kích thích nền kinh tế sẽ là yếu tố chính giúp VN-Index tiến lên tầm cao mới trong năm 2021.

- Trong 06 tháng đầu năm 2021, dòng tiền vẫn hoạt động mạnh mẽ, VN-Index có nhiều tiềm năng quay lại vùng đỉnh cũ 1.200 điểm của năm 2018. Khả năng vượt đỉnh còn tùy thuộc vào những diễn biến vĩ mô khác (Năm đầu tiên trong nhiệm kỳ của Tổng thống Joe Biden có tái đàm phán CPTPP, vaccine Covid-19 hoạt động hiệu quả...)
- Giai đoạn 06 tháng cuối năm 2021, những ảnh hưởng của tiền rẻ (nợ xấu của ngân hàng tăng lên, lạm phát cũng gia tăng) bắt đầu xuất hiện rõ ràng hơn, thị trường chứng khoán có khả năng sẽ điều chỉnh trong giai đoạn này.
- Nhìn chung, tùy vào các kịch bản ngăn chặn đại dịch và các chính sách vĩ mô mới, diễn biến của VN-Index trong năm 2021 sẽ quanh vùng 800 - 1.500 điểm.

Trên cơ sở dự báo thị trường, quan điểm của Ban điều hành là từng bước tìm cơ hội để tận dụng đầu tư do đó Ban Tổng giám đốc đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021				
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Bình quân năm
1	Doanh thu	14.415	23.064	36.902	57.568	131.949
2	Tổng chi phí	10.461	13.342	16.741	21.053	61.597
2.1	<i>Chi phí hoạt động kinh doanh</i>	4.588	6.882	9.635	12.525	17.535
2.2	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	5.873	6.460	7.106	8.528	27.967
3	Lợi nhuận trước thuế	3.954	9.722	20.161	36.146	70.352
4	Lợi nhuận sau thuế	3.163	7.777	16.129	28.917	56.281

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán không có ý kiến loại trừ và ý kiến chấp nhận từng phần.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.
1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã không ngừng cố gắng để đạt được kết quả kinh doanh trong năm 2020. Kết quả này phần nào phản ánh sự lãnh đạo đúng đắn của Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:
3.1 Công tác định hướng hoạt động:

Năm 2021 Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt được mục tiêu an toàn và hiệu quả, cụ thể:

- Định hướng hoạt động đầu tư an toàn, tập trung hoạt động cốt lõi.
- Định hướng hoạt động dịch vụ, nâng cao chất lượng các dịch vụ
- Định hướng củng cố mô hình tổ chức, tăng cường đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao.
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng quản lý điều hành nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh 2021.

3.2 Công tác phát triển:

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch 2021 đã đề ra
- Mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh và nâng cao hoạt động kinh doanh

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu CP	Hình thức	Chức danh nắm giữ tại công ty khác
1	Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	0	0	Thành viên Điều hành	Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà
2	Ông Cù Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	0	0	Thành viên độc lập	Chánh văn phòng HĐQT kiêm phó Chủ tịch UB chiến lược và nhân sự Ngân hàng TMCP Việt Á
3	Ông Phuong Thành Long	Ủy viên HĐQT	0	0	Thành viên độc lập	Phó Tổng giám đốc Công ty CP SAM Holdings; Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Capella Group. Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Việt Á. Chủ tịch HĐQT - Công ty CP quản lý Quỹ Bông Sen Thành viên HĐQT SVI Group

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của hội đồng quản trị

- Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị luôn bám sát hoạt động thực tế của Công ty để đưa ra các chủ trương, quyết sách nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng Quản trị luôn theo sát Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 02 cuộc họp.

Nội dung và Quyết định/Nghị quyết các cuộc họp Hội đồng Quản trị, như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 29/2020/NQ-HĐQT	12/08/2020	Triển khai phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2020
2	Số:36/2020/NQ-HĐQT	08/09/2020	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Hoàng Giang

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Hoạt động và đảm bảo công tác điều hành, chỉ đạo kịp thời với Ban Lãnh đạo Công ty.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Nguyễn Hải Dương - Thạc sỹ Quản trị chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính

1.7. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban	5%
2	Đào Thị Vân Anh	Thành viên	
3	Nguyễn Văn Trúc	Thành viên	

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của NSI cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo NSI về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.
- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của NSI, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của NSI.
- Kiểm soát các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.
- Các công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của mình.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến định hướng của NSI, bám sát nhiệm vụ được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/người/năm)
I. Thù lao Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	260.000.000
2	Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	8.000.000
3	Nguyễn Thu Trang	Ủy viên HĐQT	32.000.000
4	Cù Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	72.000.000
5	Phương Thành Long	Ủy viên HĐQT	18.000.000

STT	Tên	Chức vụ	Lương (đồng/người/năm)
II. Thù lao Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát	24.000.000
III. Tiền lương của Ban Giám đốc			
1	Hồ Anh Dũng	Tổng Giám đốc	888.405.000
2	Nguyễn Hoàng Giang	Phó Tổng Giám đốc	355.100.000
3	Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc chi nhánh	319.795.000

3.2 *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không

3.3 *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không

3.4 *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Trong năm 2020 Công ty không có nội dung nào chưa thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (ĐÍNH KÈM)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

HÀ NỘI, THÁNG 02 - NĂM 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	09 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15 - 43

2022
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN VI
VIỆT
GIẤY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch
Ông Cù Anh Tuấn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Phương Thành Long	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30/06/2020)
Bà Nguyễn Thu Trang	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30/06/2020)

Ban Tổng giám đốc

Ông Hồ Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm 08/09/2020)
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc chi nhánh

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán

3-C.2
TY
HỮU HẠ
ĐÌNH G
LÂM
TP. P

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA



Hồ Anh Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2021

Số: 33 -21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn

U.N.010
TRÁC
KIỂM
Đ. CẦU

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(tiếp theo)

mức kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.



Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2018-034-1

Ngô Bá Thiêm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2020-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Mẫu số B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	100		339.507.665.876	208.669.826.504
I. Tài sản tài chính	110		338.100.547.743	206.706.128.260
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		199.494.680.735	86.072.797.559
1.1. Tiền	111.1	VI.1	199.494.680.735	86.072.797.559
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3.1	130.281.539.180	113.510.045.550
3. Các khoản cho vay	114		8.047.222.857	-
4. Trả trước cho người bán	118	VI.4	107.250.000	1.216.050.000
5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	VI.5	169.854.971	4.071.150.418
6. Các khoản phải thu khác	122		-	1.836.084.733
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.407.118.133	1.963.698.244
1. Tạm ứng	131	VI.11	883.984.000	1.270.057.537
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.6	508.134.133	678.640.707
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	VI.10	15.000.000	15.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		8.945.565.980	5.800.360.165
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.553.468.103	644.145.134
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	355.527.354	573.051.387
- Nguyên giá	222		800.894.340	800.894.340
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(445.366.986)	(227.842.953)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	3.197.940.749	71.093.747
- Nguyên giá	228		8.606.008.794	4.910.008.794
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(5.408.068.045)	(4.838.915.047)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		150.000.000	150.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	250		5.242.097.877	5.006.215.031
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.10	413.944.100	413.944.100
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.6	114.239.260	175.107.686
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.7	4.713.914.517	4.417.163.245
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		348.453.231.856	214.470.186.669

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		106.450.242.620	2.533.104.076
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		106.450.242.620	2.533.104.076
1. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	VI.19	99.354.049.588	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	VI.15	418.300.000	362.300.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.16	764.563.102	912.988.367
4. Phải trả người lao động	323		1.643.548.916	1.139.320.865
5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		60.706.178	6.086.148
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.17	3.929.770.472	31.666.666
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.18	279.124.787	80.562.453
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		179.577	179.577
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		242.002.989.236	211.937.082.593
I. Vốn chủ sở hữu	410		242.002.989.236	211.937.082.593
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		170.000.000.000	170.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		528.621.659	528.621.659
3. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		219.857.812	219.857.812
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.21	71.254.509.765	41.188.603.122
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		60.758.321.725	44.326.919.832
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		10.496.188.040	(3.138.316.710)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		348.453.231.856	214.470.186.669

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Hồ Anh Dũng

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. Tài sản của Công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	VI.23	17.000.000	17.000.000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	VI.12	65.725.790.000	64.209.820.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		65.723.440.000	64.207.470.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	008.2		2.350.000	2.350.000
B. Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VI.13	2.790.440.730.000	2.518.220.140.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.394.026.410.000	693.655.110.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		536.702.570.000	489.063.840.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		853.285.510.000	-
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		953.260.000	1.335.501.190.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		5.472.980.000	-
2. Tiền gửi của khách hàng	026		2.419.507.534	4.650.221.573
2.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027	VI.14	2.384.085.812	4.498.183.141
2.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	VI.14	3.660.092	3.850.520
2.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	VI.14	31.761.630	148.187.912
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		2.624.535	118.789.651
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		29.137.095	29.398.261
4. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031	VI.20	2.419.507.534	4.650.221.573
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.1		2.182.361.801	4.412.939.589
4.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.2		237.145.733	237.281.984

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Hồ Anh Dũng

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		32.980.977.670	8.797.756.703
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	VII.1.2	1.220.948.500	-
<i>b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.2	VII.1.3	29.100.378.670	1.920.734.103
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	VII.1.1	2.659.650.500	6.877.022.600
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VII.1.1	-	1.562.641.095
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VII.1.4	36.252.163.989	29.100.015.774
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		3.534.776.987	1.567.582.018
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		1.838.954.073	1.670.379.976
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		4.105.363.636	561.363.636
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 ->11)	20		78.712.236.355	43.259.739.202
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		15.465.873.920	16.730.465.677
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.2	VII.1.3	15.465.873.920	16.730.465.677
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	8.552.268
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		5.406.237	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VII.3	4.175.749.032	3.083.425.792
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành	28	VII.3	75.240.000	26.800.000
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VII.3	528.528.000	3
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VII.3	834.890.909	6.000.000
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	VII.1.5	3.954.362.791	3.211.393.607
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 ->32)	40		25.040.050.889	23.066.637.347
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VII.2	361.940.996	309.097.799
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		361.940.996	309.097.799
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52	VII.4	3.878.326.028	1.092.111.645
4.5. Chi phí tài chính khác	55		295.231.406	
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		4.173.557.434	1.092.111.645

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VII.5	17.679.190.598	16.601.540.676
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		32.181.378.430	2.808.547.333
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		10.000.000	46.013.666
8.2 Chi phí khác	72		-	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		10.000.000	46.013.666
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		32.191.378.430	2.854.560.999
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		18.556.873.680	17.664.292.573
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		13.634.504.750	(14.809.731.574)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		2.125.471.787	2.230.653.993
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VII.6	2.125.471.787	2.230.653.993
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		30.065.906.643	623.907.006
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		30.065.906.643	623.907.006
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		1.769	37
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	501		1.769	37

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiên

Hồ Anh Dũng

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiên

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		32.191.378.430	2.854.560.999
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		4.303.062.063	(628.684.691)
- Khấu hao tài sản cố định	03		786.677.031	150.942.558
- Chi phí lãi vay	06		3.878.326.028	1.092.111.645
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(361.940.996)	(1.871.738.894)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		15.465.873.920	16.730.465.677
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		15.465.873.920	16.730.465.677
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(29.100.378.670)	(1.920.734.103)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(29.100.378.670)	(1.920.734.103)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(6.103.993.563)	11.783.145.033
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(3.136.988.880)	(2.444.770.000)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		-	25.000.000.000
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(8.047.222.857)	-
- Tăng (giảm) phải thu bán các tài sản tài chính	35		56.000.000	98.300.000
- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		3.901.295.447	(3.909.556.797)
- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	39		1.836.084.733	(1.835.120.000)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		89.322.265	487.167.463
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		19.777.778	4.000.000
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		231.375.000	15.792.576
- Thuế TNDN đã nộp	43		(2.685.412.048)	(2.156.286.992)
- Lãi vay đã trả	44		-	(1.092.111.645)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		1.108.800.000	(1.053.300.000)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		54.620.030	5.869.000
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		411.514.996	(521.376.436)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		504.228.051	(371.679.531)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		198.562.334	29.476.340
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(645.950.412)	(473.258.945)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		16.755.942.180	28.818.752.915

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(tiếp theo)

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	(3.696.000.000)	(652.572.100)
5. Tiền thu về lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	361.940.996	1.871.738.894
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>	<i>(3.334.059.004)</i>	<i>1.219.166.794</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay gốc	73	100.000.000.000	21.800.000.000
3.2 Tiền vay khác	73.2	100.000.000.000	21.800.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	-	(24.800.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>(3.000.000.000)</i>
IV Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ (90=60+70+80)	90	113.421.883.176	27.037.919.709
V Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	101	VI.1	86.072.797.559
- Tiền	101.1	86.072.797.559	59.034.877.850
VI Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (103=90+101)	103	VI.1	199.494.680.735
- Tiền	103.1	199.494.680.735	86.072.797.559

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

3-C
TY
CHỨNG
KHỐN
QUỐC
GIA
AM
TP.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(tiếp theo)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		1.687.871.155.701	682.135.597.214
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(2.044.840.341.414)	(616.079.944.756)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		5.895.790.271.829	4.959.763.500.850
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(5.540.000.104.739)	(5.026.013.232.754)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(1.051.695.416)	(1.094.767.457)
<i>Tăng/giảm tiền thuận trong kỳ</i>	20		<i>(2.230.714.039)</i>	<i>(1.288.846.903)</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	VI.15	4.650.221.573	5.939.068.476
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		4.650.221.573	5.939.068.476
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.	32		4.498.183.141	5.856.417.223
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34		3.850.520	4.018.601
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	35		148.187.912	78.632.652
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)	40	VI.15	2.419.507.534	4.650.221.573
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		2.419.507.534	4.650.221.573
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		2.384.085.812	4.498.183.141
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		3.660.092	3.850.520
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		31.761.630	148.187.912

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu

Phạm Hồng Thương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chiến



Hồ Anh Dũng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2020		Số dư cuối kỳ	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2019	31/12/2020
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		170.000.000.000	-	170.000.000.000	-	-	-	170.000.000.000	170.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		170.000.000.000	-	170.000.000.000	-	-	-	170.000.000.000	170.000.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		528.621.659	-	528.621.659	-	-	-	528.621.659	528.621.659
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		219.857.812	-	219.857.812	-	-	-	219.857.812	219.857.812
8. Lợi nhuận chưa phân phối		40.564.696.116	15.433.638.580	14.809.731.574	30.065.906.643	-	-	41.188.603.122	71.254.509.765
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		28.893.281.252	15.433.638.580	15.433.638.580	-	16.431.401.893	-	44.326.919.832	60.758.321.725
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		11.671.414.864	-	14.809.731.574	13.634.504.750	-	-	(3.138.316.710)	10.496.188.040
Tổng cộng		211.313.175.587	15.433.638.580	14.809.731.574	30.065.906.643	-	-	211.937.082.593	242.002.989.236

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu

Phạm Hồng Thương

Phạm Hồng Thương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chiến

Phạm Thị Chiến



Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của công ty chứng khoán

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/12/2006, Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009. Công ty có 7 (bảy) lần thay đổi Giấy phép kinh doanh.

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh điều chỉnh	Ngày	Nội dung thay đổi
89/GPĐC-UBCK	31/12/2012	Thay đổi người đại diện theo pháp luật
97/GPĐC-UBCK	04/07/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
29/GPĐC-UBCK	17/06/2013	Thay đổi vốn điều lệ
14/GPĐC-UBCK	17/06/2014	Thay đổi người đại diện theo pháp luật
26/GPĐC-UBCK	29/03/2018	Bổ sung nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán
35/GPĐC-UBCK	22/05/2018	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
62/GPĐC-UBCK	16/10/2019	Thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015005 ngày 11 tháng 12 năm 2006 thì vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ đồng chẵn).

Điều lệ Công ty chứng khoán ban hành ngày 15/12/2006 và sửa đổi, bổ sung vào các ngày 28/05/2012, ngày 12/03/2013 và ngày 20/09/2019.

2. Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp./.

Trụ sở Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

3. Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC thì:

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - + Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - + Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - + Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
 - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).

- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Công ty có một đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số là Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại tầng 1, số 105 - 107 đường Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 (Thông tư 210) của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Ghi nhận vốn bằng tiền

Tiền gửi hoạt động của Công ty chứng khoán (CTCK)

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (của CTCK) được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành khác và tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tiền gửi của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư là tiền gửi của khách hàng để giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán là tiền gửi để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giữa CTCK và khách hàng theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán để thanh toán mua, bán chứng khoán.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu

2.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc Danh mục đầu tư của Công ty

Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính: (FVTPL, HTM, Các khoản cho vay, AFS)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của công ty.

Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro).

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính khi bán.

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận đo đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Các khoản mà người nắm giữ có thể thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý hoặc giá gốc

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi hoặc lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Khi trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính, Chỉ tiêu "Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL được phản ánh trên cơ sở số thuần (Chỉ tiêu này được tính như sau: Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ = Số dư Nợ Tài khoản 1211 "Giá mua" cộng (+) Số dư Nợ Tài khoản 1212 "Chênh lệch tăng do đánh giá lại" hoặc trừ (-) Số dư Có Tài khoản 1212 "Chênh lệch giảm do đánh giá lại" của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán).

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Khi trình bày các tài sản tài chính FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán trong Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày theo 3 chỉ tiêu: Giá trị mua, giá trị đánh giá lại và giá trị thuần (Giá trị mua +/- Giá trị đánh giá lại) theo các loại tài sản tài chính FVTPL.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chi tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL.

Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chi tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ kế toán.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng (trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.3 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của tài sản tài chính được xác định theo các cơ sở sau:

+ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày giao dịch thứ sáu trở đi giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

+ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

giá giao dịch thực tế theo báo cáo của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày gần ngày đánh giá giá trị chứng khoán nhất.

+ Các chứng khoán không có giá trị thị trường được xác định theo các phương pháp nêu trên sẽ không được trích lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận TSCĐ vô hình và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số

13
P
C
1202
CÔNG
CH
TOÁN V
VIỆT
TRƯỜNG

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán và phần mềm giao dịch.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 10 đến 15 năm.

4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí mua sắm phần mềm STP, được ghi nhận theo cơ sở giá gốc. Chi phí này được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê nhà và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí trả trước tiền nhà và trả trước các dịch vụ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, thời gian được quy định trong từng hợp đồng.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

7.1. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành:

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay ngắn hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội được Công ty sử dụng phương pháp phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

7.2 Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả người bán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán và phải trả khác

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán, phải trả tổ chức phát hành chứng khoán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán là khoản phải trả tiền gửi của các nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý cho khách hàng thông qua tài khoản chuyên dụng mở tại Ngân hàng thương mại. Các giao dịch này bao gồm cả nghiệp vụ margin, repo, ứng trước tiền bán các tài sản tài chính. Các khoản phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

7.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

100
T
IN
OÁ
IA
TP
D: N: 0101
C
TRÁCH
KIỂM T
VII
CÁU G.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế, phí phải nộp khác:

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

7.4 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

Chi phí phải trả của Công ty là khoản thù lao của Hội đồng quản trị, là chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

8. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

8.1 Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 và Điều lệ hoạt động của Công ty.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ/hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

9.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính:

Doanh thu của Công ty bao gồm thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, ủy thác đầu tư)

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Riêng doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

9.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận lỗ và chi phí giao dịch các tài sản tài chính:

- Lỗ tài sản tài chính được ghi nhận trên chênh lệch nhỏ hơn giữa giá bán tài sản tài chính so với giá vốn bình quân gia quyền tài sản tài chính.

- Ghi nhận chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính là các chi phí thực tế phát sinh từ giao dịch mua tài sản tài chính.

10. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí quản lý của Công ty bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho công tác quản lý; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

V. Quản trị về rủi ro tài chính đối với Công ty

1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với Công ty:

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

3. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa được lợi nhuận thu được.

TRẦN VĂN HẠNH

TRẦN VĂN HẠNH
KIỂM TRA
D. N. H. C. A. U.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính**1. Tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	191.805.398	121.358.599
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	199.298.236.028	85.924.118.134
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	4.639.309	27.320.826
Cộng	199.494.680.735	86.072.797.559

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán (Cổ phiếu)	Giá trị giao dịch (VND)
Khối lượng giao dịch của Công ty	200.000	6.073.948.500
- Cổ phiếu	200.000	6.073.948.500
Cửa nhà đầu tư	199.937.868	2.285.203.961.900
- Cổ phiếu	199.937.868	2.285.203.961.900

3. Các loại tài sản tài chính**3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Tài sản FVTPL	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết				
DVN	29.656.200.000	37.282.080.000	29.656.200.000	22.898.823.000
DSN	27.253.472.727	24.480.000.000	27.253.472.727	30.090.000.000
DNP	28.953.719.280	30.008.880.000	25.816.730.400	26.826.120.000
DXG	30.800.380.000	22.925.732.500	30.800.380.000	20.841.575.000
CCI	10.851.250.000	15.535.625.000	10.851.250.000	12.813.750.000
Các cổ phiếu khác	28.648.024	49.221.680	28.648.024	39.777.550
Cộng	127.543.670.031	130.281.539.180	124.406.681.151	113.510.045.550

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của sàn giao dịch chứng khoán HNX, HOSE và giá bình quân của sàn giao dịch UPCOM tại ngày 31/12/2020 của các Sở giao dịch chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B09-CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán theo phương pháp giá thị trường

STT	Loại tài sản tài chính	Số cuối kỳ						Số đầu kỳ						Đơn vị tính: VND
		Giá mua/Giá gốc	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại				
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm					
(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(1)-(2)	(5)=(1)+(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)+(7)-(8)						
I Tài sản tài chính FVTPL														
Các tài sản tài chính niêm yết														
1	DVN	29.656.200.000	37.282.080.000	7.625.880.000	-	37.282.080.000	29.656.200.000	-	6.757.377.000	22.898.823.000				
2	DSN	27.253.472.727	24.480.000.000	-	2.773.472.727	24.480.000.000	27.253.472.727	2.836.527.273	-	30.090.000.000				
3	DNP	28.953.719.280	30.008.880.000	1.055.160.720	-	30.008.880.000	25.816.730.400	1.009.389.600	-	26.826.120.000				
4	DXG	30.800.380.000	22.925.732.500	-	7.874.647.500	22.925.732.500	30.800.380.000	-	9.958.805.000	20.841.575.000				
5	CCI	10.851.250.000	15.535.625.000	4.684.375.000	-	15.535.625.000	10.851.250.000	1.962.500.000	-	12.813.750.000				
6	VCS	-	23.108.000	23.108.000	-	23.108.000	-	18.226.000	-	18.226.000				
7	S55	1.926.144	6.946.000	5.019.856	-	6.946.000	1.926.144	3.386.856	-	5.313.000				
8	SIC	1.518.264	2.662.500	1.144.236	-	2.662.500	1.518.264	398.736	-	1.917.000				
9	SJE	3.863.500	1.960.000	-	1.903.500	1.960.000	3.863.500	-	2.053.500	1.810.000				
10	SD5	2.468.892	1.453.200	-	1.015.692	1.453.200	2.468.892	-	1.569.292	899.600				
11	VC2	1.751.040	1.017.600	-	733.440	1.017.600	1.751.040	159.360	-	1.910.400				
12	STC	1.092.000	1.020.000	-	72.000	1.020.000	1.092.000	-	354.000	738.000				
13	VTS	917.570	1.767.000	849.430	-	1.767.000	917.570	1.066.430	-	1.984.000				
14	HBC	171.690	818.550	646.860	-	818.550	171.690	374.010	-	545.700				
15	VTC	122.273	757.400	635.127	-	757.400	122.273	682.727	-	805.000				
16	S99	595.371	1.573.800	978.429	-	1.573.800	595.371	135.629	-	731.000				
17	SD9	983.552	585.200	-	398.352	585.200	983.552	-	519.952	463.600				
18	HAC	-	588.000	588.000	-	588.000	-	460.600	-	460.600				
19	VCB	585.068	783.200	198.132	-	783.200	585.068	136.532	-	721.600				
20	SAP	806.431	576.000	-	230.431	576.000	806.431	-	612.931	193.500				
21	DHA	299.700	426.600	126.900	-	426.600	299.700	-	12.600	287.100				
22	GMC	134.344	113.400	-	20.944	113.400	134.344	-	22.144	112.200				

TP. 228. G TY H HUU VA DINH NAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B09-CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán theo phương pháp giá thị trường

STT	Loại tài sản tài chính	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ				Đơn vị tính: VND	
		Giá mua/Giá gốc	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá kỳ này		Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá kỳ trước			Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm		
(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(1)-(2)	(5)=(1)+(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)+(7)-(8)			
23	EBS	174.671	198.000	23.329	-	198.000	174.671	-	14.671	160.000	
24	RAL	112.600	275.800	163.200	-	275.800	112.600	27.400	-	140.000	
25	TMC	232.380	181.200	-	51.180	181.200	232.380	-	58.380	174.000	
26	HNM	915.840	264.000	-	651.840	264.000	915.840	-	645.840	270.000	
27	SD7	2.214.000	131.200	-	2.082.800	131.200	2.214.000	-	1.996.700	217.300	
28	POT	176.594	173.700	-	2.894	173.700	176.594	-	38.894	137.700	
29	REE	196.500	244.750	48.250	-	244.750	196.500	-	15.000	181.500	
30	SBT	-	146.650	146.650	-	146.650	-	129.500	-	129.500	
31	PPC	322.148	171.150	-	150.998	171.150	322.148	-	133.848	188.300	
32	TPH	-	126.000	126.000	-	126.000	-	115.200	-	115.200	
33	GTA	118.560	108.000	-	10.560	108.000	118.560	-	21.360	97.200	
34	STB	176.748	135.200	-	41.548	135.200	176.748	-	96.348	80.400	
35	HAX	83.077	112.800	29.723	-	112.800	83.077	15.923	-	99.000	
36	KHA	34.200	47.200	13.000	-	47.200	34.200	53.000	-	87.200	
37	UNI	105.448	59.500	-	45.948	59.500	105.448	-	79.548	25.900	
38	SAM	93.472	89.550	-	3.922	89.550	93.472	-	19.222	74.250	
39	HAS	34.450	48.600	14.150	-	48.600	34.450	7.550	-	42.000	
40	MHC	251.500	88.550	-	162.950	88.550	251.500	-	218.500	33.000	
41	HAI	108.622	52.560	-	56.062	52.560	108.622	-	57.862	50.760	
42	DRC	8.850	45.900	37.050	-	45.900	8.850	37.750	-	46.600	
43	KHP	72.020	27.680	-	44.340	27.680	72.020	-	32.340	39.680	
44	BMC	288.800	42.600	-	246.200	42.600	288.800	-	247.100	41.700	
45	RIC	103.264	30.000	-	73.264	30.000	103.264	-	73.744	29.520	
46	PVT	56.833	28.000	-	28.833	28.000	56.833	-	23.233	33.600	
47	KDC	130.150	37.000	-	93.150	37.000	130.150	-	110.700	19.450	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B09-CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán theo phương pháp giá thị trường

Đơn vị tính: VND

STT	Loại tài sản tài chính	Số đầu kỳ									
		Số cuối kỳ					Số đầu kỳ				
		Giá mua/Giá gốc	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Chênh lệch đánh giá kỳ này	Giá trị đánh giá lại	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Chênh lệch đánh giá kỳ trước
(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(1)-(2)	(5)=(1)+(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)+(7)-(8)			
48	ITA	150.800	49.000	-	101.800	49.000	150.800	-	130.640	20.160	
49	LAF	103.200	32.700	-	70.500	32.700	103.200	-	72.450	30.750	
50	TCR	68.094	21.000	-	47.094	21.000	68.094	-	55.374	12.720	
51	PET	77.050	16.150	-	60.900	16.150	77.050	-	69.450	7.600	
52	VIP	19.588	8.190	-	11.398	8.190	19.588	-	14.628	4.960	
53	CTN	143.040	4.400	-	138.640	4.400	143.040	-	141.940	1.100	
54	DHI	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
55	HPC	1.911.985	-	-	1.911.985	-	1.911.985	-	1.911.985	-	
56	KLS	773.959	-	-	773.959	-	773.959	-	773.959	-	
57	PPG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
57	VSP	2.153.742	68.200	-	2.085.542	68.200	2.153.742	-	2.085.542	68.200	
58	BHS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
59	CIC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tổng cộng		127.543.670.031	130.281.539.180	13.399.312.042	10.661.442.893	130.281.539.180	124.406.681.151	5.833.830.076	16.730.465.677	113.510.045.550	



11/2/2021 09:00:10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.3 Các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

Các khoản cho vay và phải thu	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	8.047.222.857	8.047.222.857	-	-
Cộng	8.047.222.857	8.047.222.857	-	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao ALTISSS	-	1.108.800.000
Công ty Goline	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	41.250.000	41.250.000
Văn phòng Luật sư Ngô Gia	11.000.000	11.000.000
Cộng	107.250.000	1.216.050.000

5. Các khoản phải thu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp		
Trần Thị Vân	-	2.050.941.799
Vi Thị Rộng	-	2.000.765.639
Đỗ Hữu Hào	-	19.442.980
Công ty TNHH Capella Group	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	50.000.000	-
Phải thu phí lưu ký, nhượng quyền	20.854.971	-
Cộng	169.854.971	4.071.150.418

6. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	508.134.133	678.640.707
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	508.134.133	678.640.707
b) Dài hạn	114.239.260	175.107.686
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	114.239.260	175.107.686
Cộng	622.373.393	853.748.393

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	3.943.904.300	3.943.904.300
Tiền nộp bổ sung	229.879.346	229.879.346
Tiền lãi phân bổ trong năm	540.130.871	243.379.599
Cộng	4.713.914.517	4.417.163.245

8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2020	800.894.340	800.894.340
Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2020	800.894.340	800.894.340
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2020	227.842.953	227.842.953
Khấu hao trong năm	217.524.033	217.524.033
Số dư ngày 31/12/2020	445.366.986	445.366.986
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2020	573.051.387	573.051.387
Tại ngày 31/12/2020	355.527.354	355.527.354

*Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 148.322.240 đồng***9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2020	4.910.008.794	4.910.008.794
Mua trong năm	3.696.000.000	3.696.000.000
Số dư ngày 31/12/2020	8.606.008.794	8.606.008.794
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2020	4.838.915.047	4.838.915.047
Khấu hao trong năm	569.152.998	569.152.998
Số dư ngày 31/12/2020	5.408.068.045	5.408.068.045
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2020	71.093.747	71.093.747
Tại ngày 31/12/2020	3.197.940.749	3.197.940.749

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc tiền taxi	15.000.000	15.000.000
b) Dài hạn	413.944.100	413.944.100
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	261.288.100	261.288.100
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản đầu ấn Sài Gòn	152.656.000	152.656.000
Cộng	428.944.100	428.944.100

11. Tạm ứng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nguyễn Thị Thanh Lan	437.484.000	687.057.537
Nguyễn Thị Thúy Hằng	225.500.000	345.500.000
Phạm Thị Chiến	114.000.000	147.500.000
Các đối tượng khác	107.000.000	90.000.000
Cộng	883.984.000	1.270.057.537

12. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	65.723.440.000	64.207.470.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	2.350.000	2.350.000
Cộng	65.725.790.000	64.209.820.000

13. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.394.026.410.000	693.655.110.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	536.702.570.000	489.063.840.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	853.285.510.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	953.260.000	1.335.501.190.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5.472.980.000	-
Cộng	2.790.440.730.000	2.518.220.140.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***14. Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	2.384.085.812	4.498.183.141
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>2.381.816.156</i>	<i>4.495.808.253</i>
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>2.269.656</i>	<i>2.374.888</i>
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	3.660.092	3.850.520
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	31.761.630	148.187.912
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>2.624.535</i>	<i>118.789.651</i>
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>29.137.095</i>	<i>29.398.261</i>
Cộng	2.419.507.534	4.650.221.573

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Hoàng Hà	-	82.500.000
Công ty TNHH MTV Nam Nung	40.000.000	40.000.000
Công ty CP Công trình giao thông Đồng Nai	210.000.000	71.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Akito	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt	60.500.000	60.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư U&I (UNIGROUP)	52.800.000	52.800.000
Cộng	418.300.000	362.300.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	138.349.809	27.190.457
Thuế thu nhập doanh nghiệp	146.699.585	706.639.846
Thuế thu nhập cá nhân	479.513.708	179.158.064
Cộng	764.563.102	912.988.367

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***17. Chi phí phải trả**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lãi trái phiếu phải trả	3.878.326.028	-
Thù lao Hội đồng quản trị	51.444.444	31.666.666
Cộng	3.929.770.472	31.666.666

18. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế TNCN phải nộp cho người lao động	279.099.037	72.849.506
Phải trả, phải nộp khác	25.750	7.712.947
Cộng	279.124.787	80.562.453

19. Trái phiếu phát hành

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn		
Trái phiếu N-BOND	100.000.000.000	-
Phí thu xếp phát hành trái phiếu N-BOND	(645.950.412)	-
Cộng	99.354.049.588	-

(*) Trái phiếu N-BOND là trái phiếu thường phát hành theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 25/2020/NQ-ĐHĐCĐ-NSI ngày 06/08/2020. Tổng giá trị trái phiếu phát hành 100 tỷ đồng; Tổng số lượng trái phiếu phát hành là 1.000 trái phiếu thông qua đơn vị đại lý phát hành là Ngân hàng TMCP Việt Á. Kỳ hạn của trái phiếu là 12 tháng kể từ ngày phát hành; Loại hình trái phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, có tài sản đảm bảo; Mục đích phát hành trái phiếu là bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là 545.000 cổ phiếu Tổng Công ty Dược Việt Nam (Upcom: DVN); 13.069.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần SAM Holdings (HSX: SAM); 302.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (HNX: DNP). Lãi trái phiếu cố định 10,5%/năm, kỳ trả lãi 6 tháng/lần. Trong các cổ phiếu dùng làm tài sản đảm bảo có 7.396.000 cổ phiếu SAM và 64.000 cổ phiếu DNP mượn của Bà Đào Thị Vân Anh, 2.947.000 cổ phiếu SAM, 259.000 cổ phiếu DVN và 238.000 cổ phiếu DNP mượn của Ông Nhâm Việt Bắc, 2.726.000 cổ phiếu SAM và 286.000 cổ phiếu DVN mượn của Bà Hoàng Thị Hương.

20. Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	2.182.361.801	4.412.939.589
- Nhà đầu tư nước ngoài	237.145.733	237.281.984
Cộng	2.419.507.534	4.650.221.573

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***21. Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	60.758.321.725	44.326.919.832
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.496.188.040	(3.138.316.710)
Cộng	71.254.509.765	41.188.603.122

22. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	44.326.919.832	28.893.281.252
Lãi đã thực hiện năm nay	16.431.401.893	15.433.638.580
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	60.758.321.725	44.326.919.832
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	-	-
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	-

23. Cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2020	01/01/2020
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên	17.000.000	17.000.000
Cộng	17.000.000	17.000.000

VII. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động**1. Thu nhập****1.1 Lãi từ tài sản tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	1.220.948.500	-
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.100.378.670	1.920.734.103
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	2.659.650.500	6.877.022.600
Cộng	32.980.977.670	8.797.756.703

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B09-CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.2 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (Cổ phiếu)	Giá bán (VND/cổ phiếu)	Tổng giá trị bán (VND)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VND)	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này (VND)	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này (VND)	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến năm 2019 (VND)
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	Cổ phiếu niêm yết	100.000		3.647.448.500	2.426.500.000	1.220.948.500	1.220.948.500	-
	HDC	100.000	36.474	3.647.448.500	2.426.500.000	1.220.948.500	1.220.948.500	-
	Cộng	100.000	-	3.647.448.500	2.426.500.000	1.220.948.500	1.220.948.500	-

VIỆ
 ỀM TO
 TRÁCH
 G
 010
 GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B09-CTCK

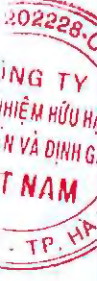
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.3 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	FVTPL					
	<i>Cổ phiếu</i>					
	DVN	29.656.200.000	37.282.080.000	7.625.880.000	(6.757.377.000)	14.383.257.000
	DSN	27.253.472.727	24.480.000.000	(2.773.472.727)	2.836.527.273	(5.610.000.000)
	DNP	28.953.719.280	30.008.880.000	1.055.160.720	1.009.389.600	45.771.120
	DXG	30.800.380.000	22.925.732.500	(7.874.647.500)	(9.958.805.000)	2.084.157.500
	CCI	10.851.250.000	15.535.625.000	4.684.375.000	1.962.500.000	2.721.875.000
	VCS	-	23.108.000	23.108.000	18.226.000	4.882.000
	S55	1.926.144	6.946.000	5.019.856	3.386.856	1.633.000
	SIC	1.518.264	2.662.500	1.144.236	398.736	745.500
	SJE	3.863.500	1.960.000	(1.903.500)	(2.053.500)	150.000
	SD5	2.468.892	1.453.200	(1.015.692)	(1.569.292)	553.600
	STC	1.092.000	1.020.000	(72.000)	(354.000)	282.000
	VTS	917.570	1.767.000	849.430	1.066.430	(217.000)
	HBC	171.690	818.550	646.860	374.010	272.850
	VIC	122.273	757.400	635.127	682.727	(47.600)
	S99	595.371	1.573.800	978.429	135.629	842.800
	SD9	983.552	585.200	(398.352)	(519.952)	121.600
	HAC	-	588.000	588.000	460.600	127.400
	VCB	585.068	783.200	198.132	136.532	61.600
	SAP	806.431	576.000	(230.431)	(612.931)	382.500
	DHA	299.700	426.600	126.900	(12.600)	139.500
	GMC	134.344	113.400	(20.944)	(22.144)	1.200



30
NC
P
NG
ỒC
90

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B09-CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***1.3 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này	Đơn vị tính: VND
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F	
	EBS	174.671	198.000	23.329	(14.671)	38.000	
	RAL	112.600	275.800	163.200	27.400	135.800	
	TMC	232.380	181.200	(51.180)	(58.380)	7.200	
	HNM	915.840	264.000	(651.840)	(645.840)	(6.000)	
	SD7	2.214.000	131.200	(2.082.800)	(1.996.700)	(86.100)	
	POT	176.594	173.700	(2.894)	(38.894)	36.000	
	REE	196.500	244.750	48.250	(15.000)	63.250	
	SBT	-	146.650	146.650	129.500	17.150	
	PPC	322.148	171.150	(150.998)	(133.848)	(17.150)	
	TPH	-	126.000	126.000	115.200	10.800	
	GTA	118.560	108.000	(10.560)	(21.360)	10.800	
	STB	176.748	135.200	(41.548)	(96.348)	54.800	
	HAX	83.077	112.800	29.723	15.923	13.800	
	KHA	34.200	47.200	13.000	53.000	(40.000)	
	UNI	105.448	59.500	(45.948)	(79.548)	33.600	
	SAM	93.472	89.550	(3.922)	(19.222)	15.300	
	HAS	34.450	48.600	14.150	7.550	6.600	
	MHC	251.500	88.550	(162.950)	(218.500)	55.550	
	HAI	108.622	52.560	(56.062)	(57.862)	1.800	
	DRC	8.850	45.900	37.050	37.750	(700)	
	KHP	72.020	27.680	(44.340)	(32.340)	(12.000)	
	BMC	288.800	42.600	(246.200)	(247.100)	900	
	RIC	103.264	30.000	(73.264)	(73.744)	480	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***1.3 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
	PVT	56.833	28.000	(28.833)	(23.233)	(5.600)
	KDC	130.150	37.000	(93.150)	(110.700)	17.550
	ITA	150.800	49.000	(101.800)	(130.640)	28.840
	LAF	103.200	32.700	(70.500)	(72.450)	1.950
	TCR	68.094	21.000	(47.094)	(55.374)	8.280
	PET	77.050	16.150	(60.900)	(69.450)	8.550
	VIP	19.588	8.190	(11.398)	(14.628)	3.230
	CTN	143.040	4.400	(138.640)	(141.940)	3.300
	HPC	1.911.985	-	(1.911.985)	(1.911.985)	-
	KLS	773.959	-	(773.959)	(773.959)	-
	VSP	2.153.742	68.200	(2.085.542)	(2.085.542)	-
	Cộng	127.543.670.031	130.281.539.180	2.737.869.149	(10.896.635.601)	13.634.504.750

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.4 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	2.659.650.500	6.877.022.600
Từ tài sản tài chính HTM	-	1.562.641.095
Từ các khoản cho vay	36.252.163.989	29.100.015.774
Cộng	38.911.814.489	37.539.679.469

1.5 Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí hoạt động khác	3.954.362.791	3.211.393.607
Cộng	3.954.362.791	3.211.393.607

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	361.940.996	309.097.799
Cộng	361.940.996	309.097.799

3. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.175.749.032	3.083.425.792
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	75.240.000	26.800.000
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	528.528.000	3
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	834.890.909	6.000.000
Chi phí dịch vụ khác	3.954.362.791	3.211.393.607
Cộng	9.568.770.732	6.327.619.402

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	3.878.326.028	1.092.111.645
Chi phí tài chính khác	295.231.406	-
Cộng	4.173.557.434	1.092.111.645

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	8.352.987.099	7.716.640.054
Chi phí vật tư văn phòng	8.229.004	24.237.157
Chi phí công cụ, dụng cụ	242.570.821	666.048.201
Chi phí khấu hao TSCĐ	258.149.031	144.942.558
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.326.413.267	1.158.821.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.569.892.252	4.054.596.173
Chi phí khác	2.920.949.124	2.836.255.379
Cộng	17.679.190.598	16.601.540.676

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.125.471.787	2.230.653.993
Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	2.125.471.787	2.230.653.993

7. Lũy kế báo cáo kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	01/01/2020	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Đơn vị tính: VND
				31/12/2020
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	41.188.603.122	30.065.906.643	-	71.254.509.765
Cộng	41.188.603.122	30.065.906.643	-	71.254.509.765

VII. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu như sau:

Thu nhập và chi phí, lãi hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thu nhập	79.084.177.351	43.614.850.667
Chi phí	49.018.270.708	42.990.943.661
Lãi	30.065.906.643	623.907.006
Cộng	30.065.906.643	623.907.006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VIII Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lương Ban Tổng giám đốc	2.459.362.367	2.894.541.078
Thù lao Hội đồng quản trị	500.222.214	375.999.992
Cộng	2.959.584.581	3.270.541.070

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu



Phạm Hồng Thương

Kế toán trưởng



Phạm Thị Chiến

Tổng Giám đốc



Hồ Anh Dũng

Xác nhận đại diện pháp luật của Công ty *WTK*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hồ Anh Dũng